

Chương 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia

[1.1.](#) Khái niệm chung về các tội xâm phạm an ninh quốc gia

[1.2.](#) Các tội phạm cụ thể

Chương 2. Các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người

[2.1.](#) Các tội xâm phạm tính mạng con người

[2.2.](#) Các tội xâm phạm sức khỏe của con người

[2.3.](#) Các tội xâm phạm danh dự của con người

[2.4.](#) Các tội xâm phạm nhân phẩm con người

Chương 3. Các tội xâm phạm sở hữu

[3.1.](#) Khái niệm chung

[3.2.](#) Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt

[3.3.](#) Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

Chương 4. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

[4.1.](#) Khái niệm chung

[4.2.](#) Các tội phạm cụ thể

Chương 5. Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân

[5.1.](#) Khách thể của tội phạm

[5.2.](#) Một số tội phạm cụ thể

Chương 6. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân, gia đình

[6.1.](#) Khái niệm chung

[6.2.](#) Một số tội phạm cụ thể

Chương 7. Các tội phạm về ma túy

[7.1.](#) Khái niệm chung

[7.2.](#) Một số tội phạm cụ thể

Chương 8. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính

[8.1.](#) Các tội xâm phạm an toàn công cộng

[8.2.](#) Các tội phạm trật tự công cộng

[8.3.](#) Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

Chương 9. Các tội phạm về chức vụ

[9.1.](#) Khái niệm chung

[9.2.](#) Các tội phạm về tham nhũng

[9.3.](#) Các tội phạm khác về chức vụ

Tài liệu tham khảo

Chương 1. **CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA**

1.1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

1.1.1. Khái niệm

Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (ANQG) là những hành vi xâm phạm độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, lực lượng quốc phòng, xâm phạm chế độ XHCN.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

a. Khách thể của các tội xâm phạm ANQG

Các tội xâm phạm ANQG xâm phạm các quan hệ xã hội về an ninh quốc gia. ANQG được hiểu là độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ XHCN (hay nói cách khác ANQG chính là sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân).

b. Mặt khách quan của các tội xâm phạm ANQG

Hành vi khách quan: Đa số các tội xâm phạm ANQG được thể hiện bằng hành động (trừ Điều 85 - Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có thể thực hiện bằng không hành động).

Đa số các tội xâm phạm ANQG có cấu thành tội phạm (CTTP) hình thức-tức là trong mặt khách quan chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan mà không có dấu hiệu hậu quả (trừ Điều 84 - Tội khủng bố, Điều 85 là tội có cấu thành vật chất). Bởi vì, hậu quả của các tội xâm phạm ANQG không mang tính xác định, mặt khác chỉ riêng hành vi khách quan của tội phạm đã phản ánh đầy đủ bản chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

c. Chủ thể của các tội xâm phạm ANQG là công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch từ đủ 14 tuổi trở lên có NLTNHS.

d. Mặt chủ quan của các tội xâm phạm ANQG

Được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

Lỗi: Cố ý trực tiếp.

Mục đích phạm tội nhằm lật đổ hoặc làm suy yếu chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc đối với tất cả các tội xâm phạm ANQG.

1.2. CÁC TỘI PHẠM CỤ THỂ

Căn cứ vào mức độ hướng tới mục đích lật đổ chính quyền nhân dân hay chỉ làm suy yếu chính quyền nhân dân, các tội xâm phạm ANQG được chia làm 2 nhóm

1.2.1. Nhóm các tội xâm phạm ANQG trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân (mục đích làm lật đổ chính quyền nhân dân)

1. Tội phản bội Tổ quốc (Điều 78)

a. Khái niệm: Tội phản bội Tổ quốc là hành vi của công dân Việt Nam cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ XHCN và Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

b. Dấu hiệu pháp lý của tội phản bội Tổ quốc

- Khách thể của tội phản bội Tổ quốc là sự xâm hại quan hệ xã hội về

ANQG.

- Chủ thể của tội phạm chỉ có thể là công dân Việt Nam.

- Mặt khách quan của tội phạm bội Tổ quốc chỉ được đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội phạm bội Tổ quốc là hành vi của công dân Việt Nam *cấu kết* với nước ngoài (có thể là cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài hoặc Nhà nước nước ngoài).

Như vậy, hành vi khách quan của tội phạm bội Tổ quốc luôn thể hiện mối quan hệ giữa 2 bên đó là phía công dân Việt Nam và phía nước ngoài. Tính chất của mối quan hệ này là *cấu kết* giữa 2 chủ thể đó với nhau. *Cấu kết* được hiểu là hai bên có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau, hai bên đều thể hiện ý chí của mình trong việc hướng tới thực hiện mưu đồ chính trị. Thực tế được thể hiện ở các dạng sau:

@ Có sự bàn bạc với nước ngoài về mưu đồ chính trị.

@ Nhận sự giúp đỡ của nước ngoài như tiền bạc, vũ khí, phục vụ cho hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

@ Trong quá trình hoạt động, dựa vào thế lực nước ngoài hoặc tiếp tay cho nước ngoài hoạt động.

Thời điểm tội phạm hoàn thành: Khi có hành vi *cấu kết* với nước ngoài (khi thực hiện 1 trong 3 loại hành vi trên)

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ Lỗi: Cố ý trực tiếp

+ Mục đích phạm tội: Nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

2. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79)

a. *Khái niệm*: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân là hành vi hoạt động thành lập tổ chức hoặc tham gia tổ chức nhằm chống chính quyền nhân dân.

b. *Dấu hiệu pháp lý của tội phạm*:

- Khách thể, lỗi, mục đích phạm tội giống Điều 78.

- Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai (có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch

- Mặt khách quan của tội phạm chỉ được phản ánh bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi một trong hai loại hành vi sau:

@ Hành vi thành lập tổ chức hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: Ví dụ như: Rủ rê, lôi kéo người khác tham gia vào tổ chức, vạch ra điều lệ, chương trình hành động.

Đối với loại hành vi này thời điểm tội phạm hoàn thành: khi người phạm tội đề xướng ra chủ trương đường lối cho người thứ hai biết.

@ Hành vi tham gia tổ chức hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: người phạm tội biết rõ được mục đích hoạt động của tổ chức là nhằm lật đổ chính quyền nhân dân nhưng vẫn tự nguyện tham gia vào tổ chức đó.

Về hành vi này thời điểm tội phạm hoàn thành: khi can phạm biểu hiện sự đồng ý tham gia vào tổ chức.

1.2.2. Nhóm các tội phạm ANQG trực tiếp uy hiếp sự vững mạnh của chính quyền nhân dân (mục đích làm suy yếu chính quyền nhân dân)

1. Tội gián điệp (Điều 80)

Khách thể của tội phạm xâm phạm quan hệ xã hội về ANQG.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai.

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ *Lỗi cố ý trực tiếp.*

+ *Mục đích phạm tội* làm suy yếu chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ được đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội hoạt động gián điệp được quy định căn cứ vào đặc điểm chủ thể.

* *Đối với người nước ngoài, người không quốc tịch* đối với nhóm chủ thể này hành vi khách quan thể hiện dưới một trong các dạng:

1. Hành vi hoạt động tình báo: Là hoạt động điều tra, thu thập tin tức bằng cách trực tiếp như lấy cắp, vẽ sơ đồ, quay phim, chụp ảnh hay sử dụng các phương tiện kỹ thuật bí mật thu thập tin tức thuộc hoặc không thuộc bí mật của Nhà nước để sử dụng chống lại Nhà nước XHCN Việt Nam.

2. Hành vi gây cơ sở để hoạt động tình báo phá hoại. Ví dụ: Rủ rê, lôi kéo người khác, tìm người giúp đỡ, tìm nơi ẩn náu, tuyển lựa, thu hút người vào trong mạng lưới gián điệp của chúng để làm nhiệm vụ liên lạc chuyển tin.

3. Hành vi hoạt động thám báo: Hoạt động của những tên gián điệp được các cơ quan tình báo nước ngoài tung vào lãnh thổ Việt Nam thu thập tin tức, chiến thuật trong lĩnh vực quân sự, có kèm theo hoạt động vũ trang. Thể hiện bằng cách trực tiếp quan sát, chụp ảnh, vẽ sơ đồ hoặc phục kích bắt cán bộ, bộ đội, nhân dân để khai thác tin tức phục vụ cho âm mưu gây chiến tranh, tập kích, bắn phá bằng máy bay.

4. Hoạt động phá hoại: Là những hoạt động phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của Nhà nước Việt Nam, phá hoại việc thực hiện chính sách kinh tế- xã hội, chính sách đoàn kết dân tộc.

* *Đối với công dân Việt Nam* hành vi khách quan được thể hiện ở một trong ba dạng sau:

1. Gây cơ sở hoạt động tình báo phá hoại. Loại hành vi này giống hành vi của người nước ngoài.

2. Hành vi hoạt động thám báo chỉ điểm chứa chấp, dẫn đường.

(Chỉ điểm: Là việc dùng ám hiệu báo cho người khác biết nơi cần hoạt động tình báo).

3. Hành vi cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp những tin tức tài liệu của Nhà nước Việt Nam để nước ngoài sử dụng chống lại Nhà nước CHCN Việt Nam.

Tính chất của hành vi phạm tội của công dân Việt Nam trong mối quan hệ với nước ngoài là *bị động*, bởi được thể hiện ở chỗ *làm theo sự chỉ đạo của người nước ngoài*.

Thời điểm tội phạm hoàn thành khi người phạm tội nhận làm gián điệp hoặc khi xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam nhằm hoạt động gián điệp (Tạp chí TAND số 07/2001).

2. Tội bạo loạn (Điều 82)

a. *Khái niệm*: Tội bạo loạn là hành vi hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức nhằm chống chính quyền nhân dân.

b. *Dấu hiệu pháp lý*:

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 80.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ được quy định bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội bạo loạn được thực hiện bằng một trong hai dạng sau:

1. Hành vi hoạt động vũ trang: Là hành vi hoạt động có trang bị vũ khí để bắn phá, gây nổ, đập phá trụ sở, tài sản của Nhà nước; cướp kho tàng, vũ khí của người đang thi hành công vụ; chiếm trụ sở cơ quan Nhà nước, doanh trại quân đội.

* Đặc điểm của hành vi hoạt động vũ trang của tội bạo loạn luôn mang tính *công khai, quy mô lớn, mang tính đồn dập, liên tiếp* (luôn có nhiều người tham gia).

2. Hành vi hoạt động bạo lực có tổ chức: Là hành vi tập hợp đông người, thường không có trang bị vũ khí (hoặc có nhưng không đáng kể) có các hoạt động mít tinh, biểu tình, hô khẩu hiệu xúc phạm danh dự của cán bộ cơ quan Nhà nước. Hoặc bao vây chiếm giữ trụ sở của cơ quan Nhà nước.

Thời điểm tội phạm hoàn thành khi người phạm tội thực hiện một trong hai hành vi nói trên.

3. Tội hoạt động phi (Điều 83)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 80

Mặt khách quan của tội phạm chỉ được quy định bởi dấu hiệu hành vi khách quan và địa điểm phạm tội.

Hành vi khách quan của tội hoạt động phi là hành vi hoạt động vũ trang, kèm theo là hành vi cướp tài sản, giết người.

* Đặc điểm của hành vi hoạt động vũ trang của tội hoạt động phi *khi thì công khai, khi thì lén lút; qui mô có thể lớn mà cũng có thể là qui mô nhỏ, có khi mang tính đồn dập liên tiếp, có khi mang tính rời rạc, lẻ tẻ*. Song đặc điểm cơ bản nhất của hành vi phạm tội hoạt động phi là *mang tính chuyên nghiệp*.

Địa điểm phạm tội hành vi hoạt động vũ trang phải xảy ra ở vùng có địa hình hiểm trở, phức tạp như vùng núi, vùng biển, vùng đầm lầy.

4. Tội khủng bố (Điều 84)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 80

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi giết người, gây thương tích hoặc hành vi tước quyền tự do về thân thể của người khác (có thể có hành vi hoạt động vũ trang, có thể không).

Đặc điểm của hành vi hoạt động vũ trang của tội khủng bố là *lén lút, qui mô nhỏ*, thường mang tính *rời rạc*.

+ *Hậu quả của tội phạm* là dấu hiệu bắt buộc đó là hậu quả chết người, gây thương tích, hoặc quyền tự do về thân thể của người khác bị tước hoặc bị hạn chế.

Thời điểm tội phạm hoàn thành khi có hậu quả xảy ra. Hay nói cách khác, đây là tội có cấu thành vật chất.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* phải là những cán bộ chủ chốt ở các địa phương hoặc những công dân có nhiều thành tích trong chiến đấu

5. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước CHXHCN Việt Nam (Điều 85)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 80

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi huỷ hoại hoặc làm hư hỏng tài sản bằng cách đập phá, gây nổ, gây cháy...

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là những tài sản quan trọng trong lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá - xã hội như hệ thống tải điện, hệ thống thông tin liên lạc...

Thời điểm tội phạm hoàn thành khi những tài sản nói trên bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng. Như vậy, đây là tội có CTTP vật chất

6. Một số tội phạm khác: (Xem giáo trình).

Câu hỏi

1. So sánh tội phản bội Tổ quốc với tội gián điệp.
2. So sánh tội bạo loạn với tội hoạt động phi và với tội khủng bố.
3. Công dân Việt Nam có quan hệ với nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân luôn bị xử lý về tội phản bội Tổ quốc.
4. Hành vi hoạt động vũ trang ở miền núi nhằm gây nguy hại cho chính quyền nhân dân luôn bị xử lý về tội hoạt động phi.

Bài tập tình huống

Sau sự kiện bạo loạn chính trị ngày 03/02/2001 ở Tây Nguyên bị trấn áp, một số tên tham gia được khoan hồng, không bị xử lý. Lợi dụng sự việc này, Y Thuôn N và đồng bọn ngoan cố, vẫn tiếp tục bí mật móc nối với một số tên Fulro phản động đang sống lưu vong tại Mỹ để hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Y Thuôn N và đồng bọn đã phân công nhau đến nhiều buôn, thôn, xóm trên địa bàn tỉnh ĐakLak để tuyên truyền, lừa gạt và dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc một số người là đồng bào dân tộc thiểu số trốn khỏi địa phương, vượt biên trái phép sang Campuchia. Buộc họ phải ở lại các trại tỵ nạn không được quay trở lại Việt Nam. Chúng cố tạo nên tình hình mất ổn định về an ninh - chính trị ở Việt Nam. Từ đó tạo dư luận quốc tế cho rằng Việt Nam vi phạm nhân quyền, bài trừ tôn giáo, để tạo có can thiệp, gây sức ép đối với Nhà nước ta.

Nhóm Y Thuôn N còn bí mật thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu không đúng sự thật về tình hình kinh tế - xã hội, về nhân quyền, về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta cho thế lực thù địch, bọn phản động lưu vong sống ở nước ngoài để vu cáo, xuyên tạc chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Đồng thời chúng gây hấn thù, kỳ thị giữa các dân tộc trên địa bàn ĐakLak, nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Chương 2. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM CỦA CON NGƯỜI

2.1. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI

2.1.1. Tội giết người (Điều 93)

Văn bản áp dụng:

- Nghị quyết 04/86/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986
- Nghị quyết 01/89/HĐTPTATC ngày 19/04/1989
- Nghị quyết 01/2006/HĐTPTANDTC ngày 12/05/2006

a. Khái niệm

Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt (bỏ) tính mạng của người khác một cách trái pháp luật.

b. Dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm xâm phạm đến quyền sống của con người.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi tước bỏ tính mạng của người khác một cách trái pháp luật.

* *Về hình thức của hành vi khách quan của tội giết người* có thể được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.

Dạng hành động giết người mang tính chất phổ biến hơn và được thực hiện bằng hành vi dùng vũ lực như dùng súng, dao, gậy, thuốc độc, sức mạnh về thể chất để bắn chém, đầu độc, đâm đá, bóp cổ.

Dạng không hành động giết người ví dụ như bác sĩ đang khi trực, có một ca cấp cứu, nhưng đã không cấp cứu nạn nhân làm nạn nhân chết.

Ví dụ A đẩy B ra giữa sông sâu, B chập chới giữa sông, A bỏ về, B chết.

Hành vi phạm tội của A, về hình thức của hành vi có thể là 2 khả năng sau: Nếu ý định tước bỏ tính mạng của B xuất hiện trước khi A đẩy B xuống sông thì hành vi phạm tội của A thực hiện bằng hành động (thuộc trường hợp phạm tội giết người Điều 93), còn nếu ý định tước bỏ tính mạng của B hình thành sau khi đẩy B xuống sông thì hành vi phạm tội của A thực hiện bằng không hành động (A phạm tội cố ý không cứu giúp người khác đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng Điều 102).

* *Về tính chất của hành vi khách quan* hành vi tước đoạt tính mạng của người khác phải là trái pháp luật, tức là ngoài những trường hợp tước bỏ tính mạng của người khác mà pháp luật cho phép như phòng vệ chính đáng, thi hành hình phạt tử hình, và giết địch trong chiến đấu.

+ *Hậu quả của tội phạm* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc. Như vậy, tội giết người là tội có cấu thành vật chất, tội phạm hoàn thành khi nạn nhân chết.

+ *Giữa hành vi và hậu quả phải có mối quan hệ nhân quả* - là một dấu hiệu bắt buộc trong CTTP của tội giết người. Giữa hành vi khách quan và hậu quả được coi là có mối quan hệ nhân quả khi chúng thoả mãn đầy đủ 3 điều kiện:

@ Nạn nhân chết xảy ra sau khi thực hiện hành vi khách quan.

@ Hành vi khách quan trên phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh

hậu quả nạn nhân chết.

@ Nạn nhân chết hoàn toàn do hành vi khách quan của tội phạm gây ra (nó phản ánh sự hiện thực hoá khả năng làm phát sinh hậu quả).

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* nạn nhân phải là con người còn sống. Con người được tính từ khi bắt đầu sinh ra cho đến khi chết.

Người chết là người mà tim ngừng đập, thần kinh ngừng hoạt động.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp).

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự.

c. Hình phạt. Tội giết người tại Điều 93 quy định 2 khung hình phạt

Khoản 2: (CTTP cơ bản) Phạt tù từ 7 năm đến 15 năm giết người trong trường hợp thông thường.

Khoản 1: (CTTP tăng nặng) Phạt tù từ 12 năm đến tử hình nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. *Giết nhiều người:* Là trường hợp giết từ 2 người trở lên. Để áp dụng tình tiết này chỉ cần xác định ý thức chủ quan của người phạm tội là mong muốn giết từ 2 người trở lên, không phụ thuộc vào số người chết trên thực tế.

2. *Giết phụ nữ mà biết là có thai:* Trường hợp này phải thoả mãn 2 điều kiện:

Về khách quan nạn nhân là phụ nữ đang mang thai, không kể thai nhi đang ở tháng thứ mấy, để xác định điều kiện này phải dựa trên cơ sở kết luận giám định.

Về ý thức chủ quan của can phạm phải biết được người phụ nữ đó đang mang thai (có thể can phạm tự nhận biết hoặc nghe thông tin qua người khác). Để xác định điều kiện này phải xem xét, đánh giá các tình tiết sau:

@ Mọi quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân.

@ Thời điểm thực hiện tội phạm là ban ngày hay ban đêm, mùa đông hay mùa hè.

@ Tình trạng thai nhi đã lớn hay còn nhỏ.

* Chú ý: Nếu nạn nhân đang mang thai là người tình của người phạm tội thì thuộc trường hợp giết người vì động cơ đê hèn. Tình tiết này được hướng dẫn tại Nghị quyết 04/86/HĐTPTATC.

3. *Giết trẻ em:* Nạn nhân là trẻ em là người dưới 16 tuổi.

4. *Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân:* Nạn nhân là người đã hoặc sẽ thi hành công vụ thuộc trường hợp giết người vì lý do công vụ của nạn nhân (tức là giết nạn nhân trước hoặc trong hoặc sau khi thi hành công vụ). Giữa công vụ của nạn nhân và việc thực hiện tội phạm giết người có mối liên quan với nhau.

Ví dụ: A là thẩm phán được giao nhiệm vụ xét xử một vụ án hình sự mà B là bị cáo, trong lúc xét xử hoặc sau khi xét xử xong, B cho rằng A xử mình như vậy là quá nặng nên đã giết A.

Đối với trường hợp giết nạn nhân trước hoặc trong khi thi hành công vụ thường nhằm cản trở việc thi hành công vụ của nạn nhân, còn giết nạn nhân sau khi thi hành công vụ thường có động cơ là trả thù nạn nhân.

5. *Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy, cô giáo của mình*: Nạn nhân là ông bà, cha mẹ có thể là ông bà nội ngoại, đẻ hoặc nuôi; bố mẹ đẻ hoặc bố mẹ nuôi (phải được pháp luật thừa nhận).

Nạn nhân là người nuôi dưỡng là người chăm sóc, quản lý giáo dục người phạm tội như vai trò của bố mẹ người phạm tội.

Nạn nhân là thầy giáo, cô giáo của mình là người đã, hoặc đang làm công tác giảng dạy tại cơ sở có chức năng giáo dục, đào tạo dạy nghề được Nhà nước cho phép đã hoặc đang trực tiếp giảng dạy người phạm tội không kể thời gian dài hay ngắn. Đồng thời, việc gây thương tích cho nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của họ đối với bị cáo. Hay nói cách khác, động cơ của việc phạm tội có phải liên quan đến nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo.

6. *Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*: Là trường hợp bị cáo phạm 2 tội trong đó có một tội giết người, giữa 2 tội này phải thoả mãn các điều kiện sau:

@ Tội thực hiện trước hoặc sau tội giết người phải là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (là loại tội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 7 năm tù).

@ Khoảng cách giữa 2 tội không có sự gián đoạn về mặt thời gian.

@ Giữa 2 tội không có mối liên quan với nhau

Ví dụ: A vừa dùng súng uy hiếp B để lấy tài sản, sau khi lấy được tài sản, A thấy M đi qua vốn có mâu thuẫn sâu sắc trong chuyện làm ăn trong xã hội đen với nhau, A đã dùng súng bắn M chết.

7. *Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác*: Là trường hợp bị cáo phạm 2 tội trong đó có tội giết người, giữa 2 tội này phải thoả mãn các điều kiện sau:

@ Khoảng cách thời gian giữa 2 tội có thể liên tục có thể ngắt quãng về mặt thời gian.

@ Tội phạm khác có thể là bất kỳ loại tội nào (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng).

@ Giữa tội giết người và tội phạm khác có mối liên quan với nhau. Việc thực hiện tội phạm khác là động cơ thực hiện tội phạm giết người - nghĩa là can phạm cho rằng nạn nhân sẽ là người cản trở gây khó khăn cho việc thực hiện tội phạm khác nên đã giết nạn nhân để thực hiện tội phạm khác, hoặc nạn nhân sẽ là người tố cáo can phạm về tội đã thực hiện nên đã giết nạn nhân để che giấu tội phạm đã thực hiện.

Ví dụ: A hiếp dâm B xong, A sợ B tố cáo mình nên đã giết chết B ngay sau khi hiếp dâm.

8. *Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân*: Như lấy tim, gan, thận dù với bất kỳ mục đích nào như để nghiên cứu khoa học hoặc để cứu sống người khác.

9. *Thực hiện tội phạm một cách man rợ*: Là trường hợp giết người bằng phương pháp nguyên thủy gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho nạn nhân cũng như thân nhân của nạn nhân *trước khi nạn nhân chết* như móc mắt, moi gan, xẻo tai, chặt từng bộ phận của nạn nhân cho đến khi nạn nhân chết.

(Nếu hành vi trên thực hiện sau khi nạn nhân chết thì không phải là trường hợp giết người một cách man rợ).

10. *Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp*: Là trường hợp người phạm tội đã sử

dụng khả năng chuyên môn, nghiệp vụ của mình để dễ dàng thực hiện việc giết người và dễ dàng che giấu tội phạm.

Ví dụ: Bác sĩ giết bệnh nhân rồi lập hồ sơ bệnh án là bệnh nhân chết do bệnh hiểm nghèo; người lái đò giả làm đò đắm để giết nạn nhân; thợ điện dùng dây điện dí vào nạn nhân nhưng làm cho mọi người tin rằng nạn nhân bị điện giật chết.

11. *Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người*: Tình tiết này phải thoả mãn các điều kiện sau:

@ Can phạm phải sử dụng các loại công cụ, phương tiện có khả năng gây ra cái chết cho nhiều người *trong cùng một thời gian* như dùng súng, mìn, lựu đạn, thuốc độc.

@ Phải đặt trong một hoàn cảnh cụ thể như: nổ súng nơi có đông người, đầu độc thức ăn, đồ uống có nhiều người dùng (thả thuốc độc vào giếng nước).

@ Ý thức chủ quan của người phạm tội chỉ mong muốn giết 1 người. Còn nếu ý thức chủ quan của người phạm tội mong muốn giết chết từ 2 người trở lên thì thuộc trường hợp giết nhiều người. Hậu quả trên thực tế không nhất thiết phải có nhiều người chết.

12. *Thuê giết người hoặc giết người thuê*: Là trường hợp can phạm không trực tiếp hành động, mà giấu mặt, dùng lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần (hứa gả con gái) để người khác thực hiện hành vi phạm tội giết người.

13. *Có tính chất côn đồ*: Là trường hợp giết người có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng của người khác, giết người vì những nguyên do nhỏ nhặt. Đâm đánh người dã man không run tay.

14. *Có tổ chức*: Là trường hợp có từ 2 người trở lên thực hiện tội phạm giết người có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ.

15. *Tội phạm nguy hiểm*: Là trường hợp một người đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý chưa được xoá án tích; hoặc một người đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại phạm tội giết người.

16. *Vì động cơ đê hèn*: Là trường hợp giết người có tính ích kỷ cao, phản trắc, bội bạc với những người thân như: giết người để cướp vợ hoặc cướp chồng của nạn nhân; giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm, giết người đã cho vay, mượn tài sản để trốn tránh trả nợ (tức là giết ân nhân của mình).

2.1.2. Tội giết con mới đẻ (Điều 94)

Khách thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 93.

Mặt khách quan của tội phạm: Được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* thể hiện dưới hai dạng vứt bỏ con hoặc giết con mới đẻ. Có thể thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.

+ *Đối tượng tác động* nạn nhân là đứa trẻ mới đẻ. Theo hướng dẫn tại NQ 04/86 trẻ mới đẻ là người sinh ra trong vòng 7 ngày.

+ *Hậu quả* đứa trẻ chết là dấu hiệu bắt buộc -tội phạm có CTTTPVC nhưng mang tính đặc thù đó là chỉ coi là có tội nếu đứa trẻ chết, không đặt ra các giai đoạn thực hiện tội phạm. Nếu đứa trẻ bị vứt mà không chết, được người khác cứu thì TNHS không đặt ra cho người mẹ.

+ *Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả* đứa trẻ chết do hành vi

giết hoặc vứt bỏ của người mẹ gây ra.

+ *Hoàn cảnh phạm tội* thuộc 2 dạng sau:

* Do hoàn cảnh khách quan đặc biệt như đứa trẻ bị dị dạng, hoặc hoàn cảnh cuộc sống của người mẹ đặc biệt khó khăn, bệnh tật.

* Do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu như do mê tín, sinh con ngoài giá thú hoặc do ngoại tình sợ dư luận chê bai.

Chủ thể của tội phạm: Người mẹ sinh ra đứa trẻ là nạn nhân.

Ví dụ: A sinh con nhưng bà ngoại hoặc cha của đứa trẻ gây sức ép buộc A giết con. Bà ngoại hoặc người cha là người xúi giục vai trò là đồng phạm, A là người thực hành. Nếu bà hoặc cha đứa trẻ trực tiếp giết đứa trẻ thì xử lý theo Điều 93 với tình tiết là giết trẻ em.

2.1.3. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95)

Khách thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 93.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên, có NLTNHS trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi tước bỏ tính mạng của người khác (luôn thực hiện bằng hành động mà biểu hiện cụ thể về tính chất là hành vi dùng vũ lực).

+ *Hậu quả* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc (chỉ cấu thành tội phạm khi có hậu quả nạn nhân chết xảy ra trên thực tế).

+ *Hoàn cảnh phạm tội* người phạm tội ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội.

Người thân thích của người phạm tội có thể là người có quan hệ huyết thống gần gũi với người phạm tội, hoặc bạn bè thân thiết, thầy cô giáo của người phạm tội.

Để xác định trạng thái tinh thần của người phạm tội phải căn cứ vào 2 điều kiện sau:

(@ Phải có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là nguyên nhân Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân bao hàm cả hành vi trái đạo đức có thể cấu thành tội phạm có thể không nhưng phải có tính chất nghiêm trọng

@ Từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là nguyên nhân phát sinh hậu quả làm cho trạng thái tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh (là trường hợp người phạm tội không kiềm chế, không làm chủ được hành vi của mình). Để đánh giá về trạng thái tinh thần của bị cáo hiện nay có 2 quan điểm khác nhau về vấn đề này:

Một là: Phải căn cứ vào kết quả giám định về trạng thái tinh thần của bị cáo tại thời điểm thực hiện tội phạm. Quan điểm này chưa có tính khả thi vì trình độ y học của chúng ta hiện nay chưa cao nên kết quả giám định về trạng thái tinh thần không chính xác; hơn nữa trạng thái tinh thần của bị cáo tại thời điểm thực hiện tội phạm khác với trạng thái tinh thần tại thời điểm giám định.

Hai là: Phải xem xét một cách toàn diện tính chất của hành vi trái pháp

luật của nạn nhân, mối quan hệ giữa nạn nhân - người phạm tội, nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh, thời điểm, sự việc xảy ra... Đây là quan điểm được áp dụng trên thực tế.

2.1.4. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96)

Khách thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 93.

Chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, thực hiện hành vi phòng vệ.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hoàn cảnh phạm tội* nạn nhân có hành vi tấn công đang hiện tại.

+ *Hành vi khách quan* là hành vi tước bỏ tính mạng của người khác do việc thực hiện hành vi phòng vệ để chống trả lại người đang có hành vi tấn công nhưng vượt quá giới hạn cần thiết (tức là hành vi chống trả không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại).

+ *Hậu quả* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc.

* *Động cơ phạm tội trong mặt chủ quan* là nhằm ngăn chặn, đẩy lùi hành vi tấn công, hạn chế thiệt hại của hành vi tấn công có thể gây ra.

Ví dụ 1: A xúc phạm B bằng cách chửi bới, nhiếc móc, làm nhục B ở nơi đông người. B cầm dao đâm chết A trong trạng thái tâm lý căng thẳng, bức xúc, không kiềm chế được. A phạm vào Điều 95

Ví dụ 2: B đi học về tới nhà thì nghe tin mọi người báo là mẹ của B đã bị A đâm chết ở ngoài rẫy, B lấy dao chạy sang nhà A tìm A, đâm chết A. A phạm tội thuộc Điều 95.

Chú ý: Điều 95 và Điều 96 khác nhau cơ bản ở hoàn cảnh phạm tội.

Đối với Điều 95, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có thể là hành vi tấn công nhưng hành vi tấn công phải đã kết thúc; hoặc là hành vi vi phạm pháp luật khác (không phải là hành vi tấn công) có thể ở bất kỳ thời điểm nào.

Đối với Điều 96 nạn nhân cũng có hành vi trái pháp luật nhưng chỉ là hành vi tấn công và phải đang hiện tại.

2.1.5. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97)

Khách thể của tội phạm xâm phạm tính mạng con người.

Chủ thể của tội phạm là người đang thi hành công vụ.

Lỗi có thể là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép tức là sử dụng vũ lực (chủ yếu là sử dụng súng, công cụ hỗ trợ) không tuân thủ theo quy định tại Nghị định 84/ HĐBT ban hành ngày 2/7/84 (Nghị định này đã liệt kê những trường hợp được nổ súng bắn vào đối tượng).

+ *Hậu quả* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc.

+ *Hoàn cảnh phạm tội* tội phạm xảy ra trong khi can phạm đang thi hành công vụ.

Ví dụ 1: A là cán bộ kiểm lâm, trong khi đang làm nhiệm vụ phát hiện

trên xe của B, C, D đang chờ gỗ lậu. A ra hiệu lệnh cho xe dừng lại để kiểm tra nhưng xe tiếp tục chạy trốn. A bắn vào lốp xe, xe bị xịt lốp. 3 tên này quay lại dùng súng xông vào tấn công A. A nhằm vào tên B để bắn, B chết. Hành vi của A phải bị xử lý theo Điều 96.

Ví dụ 2: Cũng tình huống trên nhưng ngay khi A ra hiệu lệnh cho xe dừng lại nhưng xe không dừng, mà A đã nổ súng làm B chết thì hành vi của A bị xử lý theo Điều 97.

Như vậy, giữa 2 tội này xét về mặt thực tế chúng khác nhau ở chỗ, đối với Điều 96 nạn nhân phải có hành vi tấn công và hành vi tấn công phải đang hiện tại, còn đối với Điều 97 nạn nhân có hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài những trường hợp hành vi tấn công của nạn nhân đang hiện tại như hành vi không chấp hành hiệu lệnh của CSGT, cán bộ kiểm lâm đang làm nhiệm vụ.

2.1.6. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 99)

Khách thể của tội phạm xâm phạm tính mạng con người.

Chủ thể của tội phạm bất kỳ ai.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc lỗi vô ý vì cẩu thả.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* được thực hiện bằng 1 trong 2 loại hành vi sau:

@ *Hành vi phạm quy tắc hành chính.*

Ví dụ: A khi thấy người khác đang có nguy cơ chết đuối nên điều động B là nhân viên của mình ra cứu người đó, mà A biết là B không biết bơi, B chết.

@ *Hành vi vi phạm quy tắc nghề nghiệp.*

Ví dụ: A là thợ điện mắc dây điện trần không đúng độ cao quy định, B đụng phải, B chết. Hoặc A là y tá của bệnh viện Trung ương Huế, khi phát thuốc cho bệnh nhân do cẩu thả không kiểm tra thuốc nên đã đưa nhầm thuốc cho bệnh nhân uống và bệnh nhân chết.

+ *Hậu quả* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc.

2.1.7. Tội vô ý làm chết người (Điều 98)

Tội vô ý làm chết người chỉ khác Điều 99 ở hành vi khách quan. Hành vi khách quan của Tội vô ý làm chết người là hành vi phạm các quy tắc về an toàn chung khác (ngoài phạm vi những trường hợp của Điều 99).

2.1.8. Tội bức tử (Điều 100)

Khách thể của tội phạm xâm phạm tính mạng con người.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* thể hiện ở 1 trong 4 dạng hành vi sau:

@ *Hành vi đối xử tàn ác*: Ví dụ bỏ đói, bỏ rét, bắt làm việc quá sức. Đánh đập nạn nhân có thể 1 hoặc nhiều lần. Hành vi đánh đập gây thương tích cho nạn nhân mà hậu quả thương tật từ 11% trở lên bị truy tố về 2 tội.

Ví dụ: A là mẹ kế thường xuyên đánh đập con riêng của chồng là B gây thương tích 20%. B tự sát.

A bị truy cứu TNHS về 2 tội: Tội cố ý gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 20% và Tội bức tử.

@ *Hành vi ức hiếp*: Chèn ép không cho nạn nhân có quyền, ăn, quyền nói,

quyền thể hiện ý chí của mình hoặc đối xử bất công với nạn nhân như đánh đập không cho kêu la, không cho khóc.

@ Hành vi ngược đãi: Đối xử tồi tệ với nạn nhân trái với quy tắc đạo đức, biểu hiện thực tế như cho nạn nhân ăn chung với chó, mèo hoặc cho ngủ ngoài chuồng lợn.

@ Hành vi làm nhục: Có những lời nói miệt thị, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân. Chửi rửa, xỉ vả nạn nhân trước đám đông, tung tin thất thiệt để người khác tin nạn nhân là người xấu xa tội lỗi.

Chú ý: Hành vi thứ nhất có thể diễn ra một lần hoặc nhiều lần. nhưng ba loại hành vi sau phải xảy ra thường xuyên mới cấu thành tội phạm

+ *Hậu quả* nạn nhân có hành vi tự sát.

Đây là tội có CTTP vật chất, tội phạm hoàn thành khi có hành vi tự sát của nạn nhân - là hậu quả được quy định trong cấu thành tội phạm.

+ *Giữa hành vi khách quan và việc tự sát của nạn nhân phải có mối quan hệ nhân quả với nhau*, tức là nguyên nhân chính làm nạn nhân tự sát phải là do 1 trong 4 hành vi khách quan nêu trên gây ra.

Chủ thể của tội phạm là người mà nạn nhân có quan hệ lệ thuộc. Có thể lệ thuộc về kinh tế, quan hệ gia đình, quan hệ công tác, quan hệ tín ngưỡng. Ví dụ: Cha mẹ kể với con riêng của vợ hoặc của chồng, mẹ chồng với con dâu

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý gián tiếp hoặc lỗi vô ý vì quá tự. Nếu hành vi bức tử làm nạn nhân tự sát thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp thì bị xử lý về Tội giết người (Điều 93).

2.1.10 Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 102)

Khách thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 93.

Chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có NLTNHS, và phải là người có khả năng cứu giúp nạn nhân đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở một số các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi không cứu người khác (tức là tội phạm luôn thực hiện bằng không hành động).

Ví dụ: Người lái đò biết bơi thấy 1 người sắp chết đuối kêu cứu nhưng bỏ mặc dẫn đến họ bị chết.

+ *Hoàn cảnh phạm tội* nạn nhân đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng - là người đang gặp rủi ro như sắp bị chết đuối hoặc bị tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tính mạng đang trực tiếp bị đe dọa, nếu không kịp thời cứu chữa sẽ bị chết.

Tình trạng nguy hiểm này có thể do khách quan, có thể do người phạm tội gây ra.

+ *Hậu quả của tội phạm* nạn nhân chết là dấu hiệu bắt buộc (chỉ CTTP nếu nạn nhân chết- tức là không có giai đoạn phạm tội chưa đạt)

Ví dụ 1: A là bác sĩ đang trên đường đến bệnh viện gặp B bị tai nạn xe máy đang nằm trên đường, A có đủ phương tiện để cấp cứu cho B nhưng A không cứu chữa, B chết.

Ví dụ 2: A là cảnh sát Phòng cháy chữa cháy đang trên đường đi làm về,

thấy có 2 nạn nhân trong vụ hoả hoạn nhưng không cứu nên nạn nhân chết.

Trong cả 2 ví dụ trên, nếu tình huống đó xảy ra trong thời gian Bác sĩ hoặc Cảnh sát PCCC đang làm nhiệm vụ thì bị xử lý theo Điều 93 về tội giết người. Vì lúc này phát sinh nghĩa vụ pháp lý bắt buộc theo công vụ, chứ không phải là *cứu giúp* như Điều 102

2.2. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỨC KHOẺ CỦA CON NGƯỜI

2.2.1. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 104)

a. Các dấu hiệu pháp lý

Các dấu hiệu pháp lý của tội này về khách thể, chủ thể, mặt chủ quan, mặt khách quan giống Điều 93. Chỉ khác Điều 93 ở dấu hiệu hậu quả trong cấu thành tội phạm

Hậu quả trong CTTTP của Điều 93 là nạn nhân chết, còn hậu quả của Điều 104 thể hiện ở 2 dạng:

+ *Gây thương tích* là những tổn thương gây ra trên cơ thể của người khác mà tổn thương này có thể xác định được thông qua thị giác.

Ví dụ: A dùng dao đâm 1 nhát vào cánh tay phải của B.

+ *Gây tổn hại cho sức khỏe* là những tổn thương gây ra trên cơ thể của người khác, để xác định các tổn thương này phải thông qua phương tiện khoa học kỹ thuật.

Ví dụ: A dùng gậy đập vào lưng của B, B bị gãy xương bả vai.

Chú ý: Để xác định tỷ lệ thương tật của nạn nhân phải căn cứ vào Thông tư số 12, thông tư liên bộ Bộ Y tế- Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành ngày 26/7/95. Dù hậu quả của tội phạm ở dạng nào thì cũng đều xác định trên cơ sở tỷ lệ thương tật - là tỷ lệ % mất sức lao động của nạn nhân do tội phạm gây ra, làm cơ sở xác định TNHS đối với người phạm tội.

b. Hình phạt

Hình phạt của Điều 104 có 4 khung:

Khoản 1: Phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, nếu tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11 - 30% hoặc dưới 11 % nhưng thuộc 1 trong các trường hợp sau:

1. Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người.

Hung khí nguy hiểm như: Dao nhọn, lê, thuốc nổ, a xít.

Thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người như: Tạt a xít nơi đông người, đốt nhà đêm khuya khi mọi người đang ngủ gây bỏng cho nhiều người.

Nghị quyết 02/2003/HĐTPATC hướng dẫn về phương tiện nguy hiểm là những vật có sẵn trong tự nhiên hoặc vật do tự chế.

2. Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân: Là thương tật do tội phạm để lại vĩnh viễn trên cơ thể nạn nhân, hoặc làm mất đi một chức năng nào đó của nạn nhân như mất một miếng lưỡi làm nạn nhân nói ngọng, cắt một cánh tay. Tỷ lệ thương tật của cố tật phải dưới 11%.

Theo Nghị quyết 02/2003/HĐTPATC thì cố tật nhẹ thuộc các dạng:

- Làm mất một bộ phận cơ thể nạn nhân như làm mất các đốt ngón tay.

- Làm mất chức năng một bộ phận cơ thể nạn nhân như thương tích làm cứng các khớp liên đốt ngón tay.

- Làm giảm chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân như làm giảm thị lực mắt.

- Làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân như để lại sẹo trên mặt.

3. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người. (tình tiết này đã được hướng dẫn trong Nghị Quyết 01/2006/HĐTPATC ngày 12/05/2006 nhưng vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau).

Ví dụ: Ngày 01/01/2000 - A đâm B tỷ lệ thương tật của B là 10%. Ngày 03/01/2000 - A dùng gạch ném B tỷ lệ thương tật của B là 5%

Trường hợp trên có quan điểm cho rằng không bị coi là phạm tội nhiều lần, vì mỗi lần gây thương tích đều chưa đủ yếu tố CTTP. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 104.

4. Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người không có khả năng tự vệ.

Nạn nhân là phụ nữ đang có thai thì không cần người phạm tội có biết hay không biết là nạn nhân là người đang có thai, mà chỉ cần dựa vào kết luận giám định pháp y là người đó đang có thai.

5. Phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo cô giáo của mình

6. Phạm tội có tổ chức.

7. Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

8. Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.

9. Có tính chất côn đồ.

10. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân Nội dung các tình tiết này hoàn toàn giống Tội giết người

Khoản 2: Phạt tù từ 2 năm đến 7 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 31% đến 60%.

2. Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11% đến 30% nhưng thuộc 1 trong 10 trường hợp thuộc khoản 1.

Khoản 3: Phạt tù từ 5 năm đến 15 năm trong những trường hợp sau:

1. Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 61% trở lên

2. Tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 31% đến 60% nhưng thuộc 1 trong 10 trường hợp nêu ở khoản 1.

3. Gây thương tích dẫn đến chết người: Là trường hợp phạm tội mà can phạm chỉ cố ý với hậu quả thương tích mà vô ý với hậu quả chết người (ở đây có 2 dạng hậu quả là thương tích và chết người với 2 hình thức lỗi khác nhau). Theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/89/ HĐPTANDTC ngày 19/04/89 tình tiết này phải thoả mãn 3 điều kiện sau:

* Phải có thương tích nặng là thương tích có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Ví dụ: Tồn thương động mạch, tĩnh mạch, não, cột sống, các bộ phận nội tạng trong cơ thể nạn nhân.

* Phải có hậu quả chết người xảy ra trên thực tế.

* Giữa hậu quả thương tích nặng và hậu quả chết người phải có mối quan hệ nhân quả với nhau.

Cũng coi là cố ý gây thương tích dẫn đến chết người trong trường hợp không phải là thương tích nặng nhưng vì nạn nhân là người quá già yếu (là người từ 70 tuổi trở lên hoặc từ 60 tuổi trở lên mà thường xuyên đau ốm-Công văn số 102/2001/KHXX ngày 20/08/2001 của TANDTC), người có bệnh nặng, việc gây thương tích làm cho nạn nhân bị chết sớm hơn quy luật tự nhiên, nếu không bị gây thương tích thì nạn nhân chưa chết.

Khoản 4: Phạt tù từ 10 năm đến tù chung thân trong các trường hợp sau:

+ Gây thương tích làm chết từ 2 người trở lên

+ Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác: Hội tụ nhiều tình tiết ở khoản 3, hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội

Bài tập tình huống 1

Lương là một tên vũ phu, tính tình hung hãn, đã có tiền án về tội gây rối trật tự công cộng. Vào lúc 18 giờ ngày 20/10/1998 khi thấy mất 2 con gà, Lương đã hỏi vợ (Loan) và con (Lê). Hai người trả lời không biết. Lương lấy luồng trên mái nhà bắt cháu Lê lên giường đánh 30 phút rồi bắt Lê ra khe suối, đẩy Lê xuống nước. Lê bị sặc nước vùng vẫy không đứng lên được Lương lợi xuồng kéo Lê lên bờ rồi bỏ về nhà bảo vợ lấy xe ra chở Lê về, về tới nhà được 15 phút thì Lê chết.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý của vụ án trên.

2.2.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105)

2.2.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106)

2.2.4. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107)

2.2.5. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 108)

2.2.6. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 109)

Các dấu hiệu pháp lý của các tội danh này giống các tội danh tương ứng trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng của con người, chỉ khác ở hậu quả thương tích phải từ 31% trở lên.

Bài tập tình huống 2

Đặng Văn V và Nguyễn Văn H là hai anh em rể sống với nhau vui vẻ và giữa hai người không có mâu thuẫn gì. Trong khi H đi làm xa, vợ con của H vẫn ở chung với gia đình V. Vào lúc 10h ngày 25/01/2000 vào dịp H nghỉ tết, hai anh em có xích mích cãi vã nhau. H nói “vợ tao là vợ mày, con tao là con mày” rồi đâm V một cái vào mặt. V chạy từ nhà ngoài vào nhà trong lấy 1 con dao rựa mới mua, dài 40cm đem ra chém H. H bị 3 vết thương nặng, trong đó có 1 vết dài 8cm làm vỡ xương sọ. H đã chết sau 37 ngày điều trị. Hãy xác định trách

nhiệm hình sự của V?

2.3. CÁC TỘI XÂM PHẠM DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

2.3.1. Tội làm nhục người khác (Điều 121)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm danh dự con người.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở hành vi khách quan là hành vi xúc phạm nghiêm trọng danh dự của con người như có lời nói miệt thị, chửi rủa, lăng nhục, sỉ nhục nạn nhân ở nơi đông người; hoặc có hành động có tính chất bỉ ổi như: nhổ nước bọt vào mặt, lột trần truồng nạn nhân, ném phân vào người.

Hành vi trên có thể thực hiện công khai trước mặt nạn nhân, có thể không có mặt nạn nhân và phải ở mức độ nghiêm trọng. Để đánh giá tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội phải căn cứ vào:

- * Thái độ nhận thức của người phạm tội
- * Cường độ và thời gian kéo dài của hành vi
- * Vị trí, môi trường xung quanh.
- * Vai trò của người bị hại trong gia đình, tổ chức, xã hội
- * Dư luận xã hội về hành vi lăng nhục nạn nhân đó.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

- + *Lỗi cố ý trực tiếp.*
- + *Mục đích* nhằm hạ thấp danh dự của nạn nhân là dấu hiệu bắt buộc.

2.3.2. Tội vu khống (Điều 122)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 121.

Mặt khách quan của tội phạm hành vi khách quan được thực hiện bằng 1 trong 3 loại hành vi sau:

- + Bịa đặt: Hư cấu một thông tin không có thật. Ví dụ dựng ra thông tin A và B đi nghỉ mát 1 tuần ở Sa Pa
- + Loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt
- + Bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền

2.4. CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM CON NGƯỜI

2.4.1. Tội hiếp dâm (Điều 111)

a. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm xâm phạm nhân phẩm con người- đó là quyền bất khả xâm phạm quyền tự do về tình dục của người khác.

Mặt khách quan của tội phạm được thực hiện bằng 2 loại hành vi

Nhóm 1: Được thực hiện bằng 1 trong 4 loại hành vi sau:

@ Hành vi dùng vũ lực: Là hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động lên cơ thể của nạn nhân như vật ngã, xô ngã, đánh đấm, giữ tay, giữ chân, bịt miệng, xé quần, xé áo nạn nhân.

@ Đe dọa dùng vũ lực: Lời nói khống chế nếu nạn nhân không cho giao cấu thì sẽ dùng vũ lực ngay.

@ Lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân như nạn nhân đang trong rừng một mình trong đêm tối, nạn nhân bị say rượu (không phải do người phạm tội làm nạn nhân say, nếu người phạm tội làm nạn nhân uống say

thì rơi vào thủ đoạn khác). nạn nhân đang ngủ say, nạn nhân bị tâm thần.

@ Hoặc thủ đoạn khác: Là trường hợp can phạm cho nạn nhân dùng thuốc kích thích, uống rượu, nạn nhân nhằm là chồng mình.

Đặc điểm của hành vi trên phải làm tê liệt ý chí, hoặc khả năng chống cự của nạn nhân. Việc có hay không hành vi giao cấu là do người phạm tội quyết định.

Nhóm 2: Là hành vi giao cấu

Đặc điểm của hành vi giao cấu là nạn nhân hoàn toàn không biểu lộ được ý chí. Còn nếu nạn nhân biểu lộ được ý chí thì việc giao cấu phải là trái ý muốn của nạn nhân (tức là không được sự đồng ý của nạn nhân). Để đánh giá đặc điểm này phải căn cứ vào quá trình diễn biến tội phạm và sự chống trả, phản ứng của nạn nhân.

Thời điểm tội phạm hoàn thành khi bắt đầu có hành vi giao cấu. Đây là tội có CTTP hình thức nhưng mặt khách quan được đặc trưng bởi 2 loại hành vi, nên vẫn có trường hợp phạm tội hiệp dâm chưa đạt.

Chủ thể của tội phạm có thể là nam giới hoặc nữ giới. Quy định về chủ thể của tội phạm trong BLHS 1999 khác so với BLHS 1985 là chủ thể của tội hiệp dâm chỉ là nam giới.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

b. Hình phạt

Hình phạt của Điều 111 quy định 4 khung như sau:

Khoản 1: Bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm trong trường hợp thông thường.

Khoản 2: Phạt tù từ 7 năm đến 15 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Có tổ chức.
2. Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.
3. Nhiều người hiệp một người.
4. Phạm tội nhiều lần.
5. Hiệp dâm đối với nhiều người.
6. Có tính chất loạn luân: Là trường hợp hiệp dâm người có quan hệ cùng dòng máu về trực hệ trong phạm vi 3 đời.
7. Làm nạn nhân có thai.
8. Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31 % đến 60% (hậu quả này thực hiện với hình thức lỗi vô ý).

Khoản 3: Phạt tù từ 12 năm đến tử hình nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61 % trở lên.
 2. Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.
- Các hậu quả của 2 tình tiết này đều với hình thức lỗi vô ý.
3. Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội

Khoản 4: Phạm tội hiệp dâm mà nạn nhân từ đủ 16 tuổi đến 18 tuổi.

Chú ý: Nạn nhân của tội hiệp dâm là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

2.4.2. Tội hiệp dâm trẻ em (Điều 112)

Trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi các dấu hiệu pháp lý và các tình tiết định khung hoàn toàn giống Điều 111.

Với trẻ em dưới 13 tuổi thì chỉ cần có hành vi giao cấu, hay nói cách khác mọi hành vi giao cấu với người dưới 13 tuổi luôn cấu thành tội hiếp dâm trẻ em.

2.4.3. Tội cưỡng dâm (Điều 113)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm, các tình tiết định khung giống Điều 111.

Mặt khách quan của tội phạm có 2 nhóm hành vi

Nhóm 1: Được thực hiện bằng 1 trong 2 loại hành vi sau

@ Lợi dụng sự lệ thuộc của nạn nhân đối với mình. Có thể lệ thuộc về kinh tế, quan hệ gia đình, quan hệ công tác, quan hệ tín ngưỡng. Ví dụ: Cha mẹ kể với con riêng của vợ hoặc của chồng, mẹ chồng với con dâu, thủ trưởng với nhân viên.

@ Lợi dụng nạn nhân đang ở trong tình trạng quẫn bách: Là trường hợp nạn nhân đang trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nếu không có sự hỗ trợ của người khác thì họ rất khó khắc phục được như người thân, ruột thịt bị mắc bệnh hiểm nghèo, bị tai nạn nghiêm trọng mà gia đình không có tiền chữa chạy và không thể vay mượn được.

Nhóm 2: Hành vi giao cấu.

Đặc điểm của hành vi giao cấu là nạn nhân miễn cưỡng chịu sự giao cấu. Việc giao cấu hay không là do nạn nhân quyết định.

2.4.4. Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114)

Chỉ khác Điều 113 về đối tượng tác động là trẻ em từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2.4.5. Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm, các tình tiết định khung giống Điều 111.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi 2 dấu hiệu.

+ *Hành vi khách quan* là hành vi giao cấu có sự thuận tình của nạn nhân.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2.4.6. Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 111.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi 2 dấu hiệu

+ *Hành vi khách quan* là hành vi dâm ô. Hành vi dâm ô được biểu hiện là hành vi kích thích, khoái lạc về tình dục như sờ, mó, hôn hít vào các bộ phận gây kích thích về tình dục của trẻ em. Can phạm có thể trực tiếp thực hiện, cũng có thể thuê bắt nạn nhân thực hiện các hành vi này.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là trẻ em dưới 16 tuổi.

Ví dụ: Vụ án dâm ô trẻ em của ca sĩ người Anh xảy ra ở Vũng Tàu năm 2005.

2.4.7. Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm đến sức khỏe hoặc tính mạng của con người.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai bị nhiễm vi rút HIV.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm là hành vi truyền trực tiếp HIV từ mình sang nạn nhân.

2.4.8. Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm đến sức khỏe hoặc tính mạng của con người.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có thể bị nhiễm có thể không bị nhiễm vi rút HIV. Thông thường là bác sĩ thực hiện khi truyền máu cho người khác.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm là hành vi truyền HIV từ người khác sang nạn nhân.

Đây là 2 tội phạm mới được quy định trong BLHS 1999.

2.4.9. Tội mua bán phụ nữ (Điều 119)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm đến nhân phẩm của người phụ nữ.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là phụ nữ. Phụ nữ là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi mua bán phụ nữ.

Hành vi này thể hiện 3 dạng:

@ Chỉ có hành vi bán phụ nữ.

@ Có hành vi mua và hành vi bán.

@ Mới có hành vi mua nhưng nhằm mục đích để bán.

2.4.10. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, sức khỏe của trẻ em.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là trẻ em. Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* thực hiện bởi một trong các hành vi sau:

@ Hành vi mua bán trẻ em: Giống hành vi mua bán phụ nữ.

@ Hành vi đánh tráo trẻ em: Là hành vi đổi trẻ em nữ lấy trẻ em nam hoặc đổi trẻ em dị tật lấy trẻ em bình thường.

@ Hành vi chiếm đoạt trẻ em: Là hành vi cướp, bắt cóc, trộm cắp trẻ em.

Câu hỏi

1. So sánh tội giết người với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
2. So sánh tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng với tội làm chết người trong khi thi hành công vụ
3. Giết nhiều người là trường hợp giết chết từ 2 người trở lên.
4. Giết thầy cô giáo của mình là trường hợp giết nạn nhân là người đã hoặc đang giảng dạy người phạm tội.
5. So sánh tội giết người bằng không hành động với tội không cứu giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Bài tập tình huống

Bài tập số 01:

Tạ Thị Lạng và Trần Thị Thuỳ trú tại thị trấn Di Linh (Lâm Đồng) là bạn thân với nhau. Sáng 09/4/1999, cả hai đi coi bói, trên đường về gặp Trương Văn Dương là người quen Thuỳ. Dương mời Thuỳ và Lạng vào nhà chơi. Trong khi trò chuyện Dương nói là biết xem bói rồi cầm tay Lạng nói: "Lạng bị tình duyên trắc trở, người ốm yếu, đêm khó ngủ, ngày nắng đau đầu vì bị ma ám. Nếu không cúng trừ giải ma thì đến ngày 27/07/1999 sẽ bị chết". Lạng hỏi: "Muốn cúng giải ma thì tìm thầy ở đâu?". Dương trả lời là Dương biết cúng giải ma, Lạng và Thuỳ nhờ Dương cúng giải ma, Dương đồng ý.

Khi Lạng đem rượu, nhang đến nhờ Dương cúng, Dương nói phải cúng nơi thoáng đãng mới thiêng và phải cúng 09 lần mới trừ được con ma. Từ ngày 16/04 đến ngày 22/04, Dương cúng 07 lần trừ giải ma cho Lạng bằng hình thức bắt Lạng ngồi quay lưng lại, kéo áo lên ngang lưng xoa rượu vào tay, sau đó xoa vào lưng Lạng.

Lần cúng trừ giải ma lần thứ 08 vào lúc 12 giờ ngày 22/04, Dương đưa Lạng ra gốc cây cổ thụ sau vườn cách nhà Dương 100m. Ra tới gốc cây trời đổ mưa, hai người đứng dưới gốc cây nói chuyện, Dương ngỏ lời yêu Lạng. Lạng trả lời đã có người yêu. Dương kéo tay Lạng làm Lạng ngã xuống đất. Dương nói: "Nếu không cho quan hệ tình dục thì sẽ không cúng giải ma nữa và sẽ bỏ bùa cho điên dại và sẽ chết vào ngày 27/07". Lạng không nói gì, Dương đẩy Lạng nằm ngửa ra đất, một tay đè lên ngực Lạng, một tay cởi quần áo của Lạng và thực hiện hành vi giao cấu.

Sau khi quan hệ xong, cả hai mặc quần áo về nhà Dương vào bếp sưởi ăn bánh nói chuyện. Dương nói: "Sáng mai đem sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân cho Dương để đi đăng ký kết hôn". Vào lúc 7 giờ 30 ngày 25/04, Lạng đem sổ hộ khẩu, giấy chứng minh cho Dương. Dương nói hôm nay UBND không làm việc, hôm nay lại là ngày cúng ma cuối cùng nên để hôm khác đi đăng ký kết hôn.

Hai ngày sau đó, Dương và Lạng về vườn cách nhà Lạng 100m để cúng trừ ma. Cúng xong, Dương ôm lấy Lạng, trong khi cả hai ôm nhau chuẩn bị giao cấu thì ông Tiến bố Lạng bắt gặp, hô lên. Lạng và Dương đón xe xuống nhà chị Thuận (chị gái Dương) ngủ lại một đêm. Sáng hôm sau, hai người cùng chị Thuận về gặp ông Tiến xin phép cho Dương cưới Lạng. Gia đình ông Tiến hẹn

03 ngày sau sẽ trả lời, nhưng đến ngay sáng hôm sau thì ông Tiến cùng Lạng làm đơn tố cáo hành vi của Dương

Hãy xác định tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 02:

Vào khoảng 08 giờ ngày 30/4/2003 Đinh Trọng Tài đang tưới cà phê ngoài rẫy thì Nguyễn Nông hàng xóm chạy đến báo tin: "Mày về nhà ngay, thằng Cường con mày đã bị thằng An đánh chết". Tài vội vàng phóng xe về nhà thì thấy Cường đang nằm sòng soài giữa nền nhà, máu chảy rỉ từ cánh tay ra. Hãy xác định tính chất pháp lý hành vi của Tài trong các trường hợp sau:

1- Tài chạy vào trong nhà lấy dao rựa chạy sang nhà An, tìm An để chém. Lúc này trong nhà An chỉ có Thủy (10 tuổi con của An) đang nấu ăn trong bếp. Tài đã dùng dao đâm chết Thủy.

2- Khi Tài về đến nhà thì thấy An vẫn đang xông vào đám đá Cường, Tài chạy vào nhà lấy dao chém chết An.

3- Khi Tài về tới nhà thì An đã bỏ đi, Tài liền lấy dao chạy ngay đi tìm An, Tài đi tìm được An đang chơi ở nhà Dũng, Tài đã dùng dao đâm chết An.

Bài tập số 03:

Vào khoảng 08 giờ ngày 03/05/2003 Trần Văn Mạnh là chiến sĩ cảnh sát làm nhiệm vụ dẫn giải Nguyễn Minh Hoàng từ trại giam Thừa Phủ lên trại giam Bình Điền để thi hành án phạt tù. Khi đến địa phận xã Diên Khánh cách trại cải tạo khoảng 1km, địa hình hiểm trở, phức tạp xe ô tô không chạy được nên Mạnh phải dẫn giải Hoàng đi bộ. Đi được khoảng 500 m, bất thành lính Hoàng quay lại túm cổ áo Mạnh, vật ngã Mạnh với mục đích lấy súng làm phương tiện chạy trốn. Trong lúc Mạnh bị đè ngã và giằng co khẩu súng. Mạnh dí súng vào đầu Hoàng bóp cò, đạn nổ làm Hoàng chết.

Hãy xác định tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 04:

Lê Công B và Đào Văn H là hai anh em đồng hao. Trong khi H đi làm xa, vợ con H vẫn ở chung với gia đình B.

Ngày 25/01/2001, nhân dịp về ăn tết, H và vợ có chuyện xích mích, cãi nhau. B thấy vậy nói xen vào: "Mày đi cả năm mới về một lần, không thèm đỏi hoài tới vợ con, khi về lại cãi nhau, không thấy xấu hổ à". H nói: "Đây là chuyện riêng của vợ chồng tôi, anh không được chõ mồm vào". Thế là hai bên gây sự cãi nhau. Trong khi lời qua tiếng lại, H có nói: "Tao nghe dân làng nói, trong thời gian tao vắng nhà mày đàn dúi với vợ tao. Con tao là con mày, vợ tao là vợ mày", đồng thời đâm B một cái vào mặt. B tức giận chạy từ nhà ngoài (chỗ hai người cãi nhau) qua phòng trong vào bếp lấy con dao nhựa dài 40 cm đem ra ngoài nhắm đầu H chém liên 3 nhát. H bị 3 vết thương nặng, trong đó có một vết chém dài 08 cm ở vùng trán phải, làm vỡ xương sọ.

Do được đưa đi cứu chữa kịp thời tại Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) nên H thoát chết nhưng phải mang thương tích suốt đời với tỷ lệ thương tật là 65%.

Trong quá trình điều tra cho thấy giữa hai người B và H không có mâu thuẫn

gi.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 05:

Bảo Thị Hoài P và anh Lê Văn L cùng quê ở Đồng Tháp, kết hôn với nhau từ năm 1985, đã có một con chung 6 tuổi. Trong thời gian chung sống, L thường xuyên ngược đãi và đánh đập P nên hai người đã có giai đoạn sống ly thân với nhau.

Đến năm 1995, cả hai đã hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng và lên Thành phố HCM làm ăn, sinh sống. Ngày 08/02/2002, do hai người có mâu thuẫn nhỏ trong việc giáo dục con, L và P đã lời qua tiếng lại với nhau. Trong lúc nóng giận, L đã dọa đòi giết P và lấy con dao chặt xương để bên cạnh giường rồi đi ngủ.

Thấy con dao đặt cạnh chồng, P thấy sợ liền lấy cất đi. Vừa lúc đó, L giật mình tỉnh dậy, giằng con dao trên tay P làm dao rơi trúng cổ L. Sợ L chém mình nên P chụp vội lấy con dao và chém nhiều nhát vào đầu, lưng L. Khi L chết, lo sợ bị phát hiện nên P đã cắt xác L ra nhiều phần cho vào bao bì, sau đó thuê xích lô đến chở xác L và giấu ở ba nơi.

Thực hiện xong việc tẩu tán xác L, P bỏ trốn về Đồng Tháp và một tuần sau thì bị bắt.

Hãy xác định tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với P.

Bài tập số 06:

Phạm Anh H đi ô tô từ Hà Nội về Thị trấn K rồi từ đó cuộc bộ về nhà. Đi được khoảng hơn 1 km, do mệt mỏi H kiếm một lô đất bên đường ngồi nghỉ. Đang lúc lúi húi mở túi du lịch lấy chai rượu để uống vài ngụm cho lại sức thì bất ngờ một tiếng quát: "Ngồi im, động đậy tao giết" kèm theo tiếng quát là một mũi dao nhỏ dí sát vào sườn của H. Tên này buộc anh phải đưa các thứ mang theo người như: túi du lịch, đồng hồ, tiền.

Thấy túi ngực anh H căng phồng, tên cướp tưởng là có tiền nên tay phải cầm dao tay trái lần mở cúc túi áo. Lợi dụng lúc tên cướp sơ hở, H đã dùng cùi chỏ thúc mạnh ra đằng sau vào ngực tên cướp và tay kia gạt mạnh hất con dao bắn ra xa và đâm vào mặt tên cướp. Tên cướp tránh quả đâm và sau đó dùng chân đạp mạnh vào ngực H, rồi cả hai người nhảy vào nhau vật lộn dữ dội. Cuối cùng H chống chân lật mạnh người đè lên người tên cướp rồi đâm liên tiếp vào mặt vào bụng tên cướp làm máu mồm, máu mũi hộc ra, ôm bụng quằn quại dưới đất. H đứng dậy toàn thân ê ẩm, chân tay xây xát, máu chảy nhiều. Anh vớ lấy chai rượu đang nằm nghiêng bên đường nhằm thẳng vào đầu tên cướp đang nằm dưới đất đập mạnh một nhát rồi lấy đồ đi về nhà.

Qua điều tra xác định, tên cướp tên là Nguyễn Quang S (người thị trấn K là con nghiện có nhiều tiền án, tiền sự). H đã được người dân phát hiện đưa đi cứu chữa. Do bị thương quá nặng, nên 25 ngày sau S bị chết.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 07:

Tối ngày 24/04/2002, Nguyễn Văn K đang ở nhà thì thấy có người gọi ngoài ngõ. K ra xem ai gọi mình, nhưng do trời tối, chưa nhìn thấy ai thì bất thành linh bị nhiều người xông vào đâm đá túi bụi, thấy vậy K vội kêu cứu và bỏ chạy nhưng số người này vẫn đuổi theo tấn công. Sẵn có con dao nhíp trong túi, K rút ra nói: "Tao không có thù oán với đứa nào cả, để tao yên. Nếu đứa nào xông vào tao đâm chết". Những người đuổi theo vẫn lao vào đánh, K bị ngã nhưng chúng vẫn không tha, sẵn có con dao trong tay K đâm ngược lại phía sau, không ngờ trúng tim một người trong bọn chúng chết ngay tại chỗ. Thấy vậy, cả bọn sợ bỏ chạy, sau đó K ra cơ quan công an trình báo sự việc.

Tại cơ quan công an, K được biết người chết là Nguyễn Văn B người làng bên. Do căm tức K tìm hiểu yêu đương Nguyễn Thị L là bạn thân của mình nên B đã rủ một số thanh niên trong làng tìm gặp cho K một bài học và dẫn đến sự việc đau lòng như đã nêu trên.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Chương 3. **CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU**

3.1. KHÁI NIỆM CHUNG

Văn bản áp dụng pháp luật: Thông tư 02/01/TTLN ngày 25/12/2001 của liên ngành TANDTC - VKSNDTC - BTP - BCA hướng dẫn áp dụng các tội xâm phạm sở hữu

3.1.1. Khái niệm

Các tội xâm phạm sở hữu là những hành vi xâm phạm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt về tài sản của người khác.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

a. Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu là quan hệ sở hữu về tài sản.

b. Mặt khách quan của tội phạm

Về hành vi khách quan hầu hết các tội xâm phạm sở hữu được thực hiện bằng hành động (trừ Điều 143 có thể thực hiện bằng không hành động).

Về hậu quả đa số các tội xâm phạm sở hữu có CTTP vật chất, chỉ có một số tội có CTTP hình thức như Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Tội cướp tài sản, Tội cưỡng đoạt tài sản.

c. Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có NLTNHS

d. Mặt chủ quan của tội phạm: Đa số các tội thực hiện bởi hình thức lỗi cố ý, có một số tội có hình thức lỗi vô ý.

Căn cứ vào tính chất của hành vi khách quan xâm hại đến các quyền năng trong quyền sở hữu đối với tài sản, các tội xâm phạm sở hữu được chia làm 2 nhóm:

+ Các tội xâm phạm sở hữu *có tính chiếm đoạt* được quy định từ Điều 133 đến Điều 140.

+ Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt được quy định từ Điều 141 đến Điều 145.

Chiếm đoạt tài sản là cố ý chuyển biến một cách bất hợp pháp tài sản của người khác thành tài sản của mình.

Tùy theo từng loại tội phạm mà dấu hiệu chiếm đoạt tài sản có thể được phản ánh là dấu hiệu mục đích chiếm đoạt như Tội cướp tài sản, hay dấu hiệu hành vi chiếm đoạt như Tội cướp giật tài sản, hoặc là dấu hiệu hậu quả chiếm đoạt như tội trộm cắp tài sản.

3.2. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

3.2.1. Tội cướp tài sản (Điều 133)

a. Khái niệm

Tội cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

b. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm: Tội cướp tài sản trực tiếp xâm hại đến 2 quan hệ xã hội sau:

@ Quan hệ nhân thân, đó là quan hệ về tính mạng, sức khỏe con người.

@ Quan hệ tài sản.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách

quan. Hành vi khách quan của tội cướp tài sản được thực hiện bằng 1 trong 3 hành vi sau:

@ Hành vi dùng vũ lực: Dùng sức mạnh về vật chất, thể chất tác động lên người khác như xô ngã, chặn xe, đánh, chém...

@ Hành vi đe dọa dùng vũ lực *ngay tức khắc*: Có lời nói, cử chỉ khống chế tác động lên tư tưởng của người khác để người này tin rằng nếu không đưa tài sản cho can phạm thì việc dùng vũ lực sẽ xảy ra ngay không tránh khỏi. Cụm từ “ngay tức khắc” chỉ:

- Sự mãnh liệt của hành vi đe dọa.
- Khoảng cách thời gian không có sự gián đoạn giữa hành vi đe dọa và hành vi dùng vũ lực.

Ví dụ: Đ gươm súng dọa bắn, rút dao dọa chém, dọa đâm. Để đánh giá hành vi đe dọa dùng vũ lực có phải “ngay tức khắc” hay không phải căn cứ vào:

- Thái độ, cử chỉ, tính chất hành vi đe dọa.
- Công cụ, phương tiện người phạm tội sử dụng.
- Không gian, thời gian, hoàn cảnh, địa điểm sự việc xảy ra.

* Hành vi khác: Cho nạn nhân uống thuốc ngủ, dùng ê te, các loại thuốc hướng thần khác.

Tội cướp hoàn thành khi can phạm thực hiện một trong ba hành vi nêu trên. Đặc điểm của các hành vi này phải làm tê liệt ý chí (làm nạn nhân không nhận thức, không biết sự việc đang xảy ra) hoặc làm tê liệt khả năng chống cự (biết sự việc xảy ra nhưng không có khả năng phản kháng) của nạn nhân. Việc lấy tài sản hay không là do người phạm tội quyết định.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự.

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

- + Lỗi cố ý trực tiếp
- + Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc. Mục đích chiếm đoạt tài sản luôn phải xuất hiện trước hoặc muộn nhất là đồng thời với thời điểm thực hiện hành vi khách quan.

c. Hình phạt

Hình phạt của tội cướp quy định 4 khung:

Khoản 1: Phạt tù từ 3 năm đến 10 năm trong trường hợp thông thường (trường hợp không có tình tiết định khung tăng nặng).

Khoản 2: Phạt tù từ 7 năm đến 15 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Có tổ chức: Băng cướp có nhiều người tham gia, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội.
2. Có tính chất chuyên nghiệp: Là trường hợp can phạm lấy việc cướp là nghề sống chính, tài sản cướp được là nguồn thu nhập chính.
3. Tái phạm nguy hiểm: Là trường hợp người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc đã tái phạm chưa được xóa án tích lại phạm tội cướp tài sản.
4. Sử dụng vũ khí, phương tiện, thủ đoạn nguy hiểm khác là cách thức thực hiện tội phạm nguy cơ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Ví

dụ nhét giẻ vào miệng thời gian dài, dùng gậy ngang xe khi đang chạy với tốc độ lớn.

Ngoài 4 tình tiết định khung này tội cướp tài sản còn quy định 3 loại tình tiết định khung khác trong 3 khoản chúng đều phản ánh là hậu quả của tội cướp, giữa chúng chỉ khác nhau về mức độ, nên các loại tình tiết định khung này có thể thể hiện trong mối tương quan như sau:

	Khoản 2	Khoản 3	Khoản 4
1. Gây thương tích làm chết người. - Đặc điểm của tình tiết này là lỗi vô ý và là hậu quả trực tiếp.	Tỷ lệ thương tật từ 11 - 30%	Tỷ lệ thương tật từ 31 - 60%	Tỷ lệ thương tật trên 60% hoặc làm chết người
2. Chiếm đoạt tài sản. Lỗi cố ý - hậu quả trực tiếp	Tài sản bị chiếm đoạt từ 50 triệu đến dưới 200 triệu đồng	Tài sản bị chiếm đoạt từ 200 triệu đến dưới 500 triệu đồng.	Tài sản bị chiếm đoạt từ 500 triệu đồng trở lên.
3. Gây hậu quả khác. Lỗi vô ý - hậu quả gián tiếp. - Chết người - Gây thương tích tỷ lệ thương tật mỗi người từ trên 61% - Thiệt hại về tài sản:	Gây hậu quả nghiêm trọng - 1 người - 1 hoặc 2 người - Từ 50 - 500 triệu đồng.	Gây hậu quả rất nghiêm trọng - 2 người - 3 hoặc 4 người - Từ 500 - 1.500 triệu đồng.	Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng - Từ 3 người trở lên - Từ 5 người trở lên - Từ 1.500 triệu đồng trở lên.

3.2.2. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134)

a. Khái niệm

Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là hành vi bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản.

b. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan và các tình tiết định khung giống tội cướp tài sản Điều 133.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản được thực hiện bằng hai loại hành vi.

* Hành vi bắt cóc người khác làm con tin. Bắt cóc là hành vi bắt giữ người trái phép, có thể thực hiện bằng các thủ đoạn như dùng vũ lực, dụ dỗ, lừa dối, bắt trộm. Con tin có thể là bất kỳ người nào có ảnh hưởng về mặt tình cảm với người quản lý tài sản.

* Hành vi đòi tiền chuộc (hành vi tống tiền). Hành vi đe dọa người quản lý tài sản nếu không giao nộp tiền cho can phạm thì tính mạng, sức khỏe của con tin bị đe dọa. Hành vi này có thể được thể hiện qua thư nặc danh, điện thoại hoặc gặp trực tiếp.

Tội phạm hoàn thành khi can phạm có hành vi tống tiền.

3.2.3. Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm, các tình tiết định khung giống Điều 133 tội cướp tài sản.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của Điều 135 được thực hiện bằng một trong hai loại hành vi:

* Hành vi đe dọa dùng vũ lực. Can phạm có lời nói khống chế về tinh thần người quản lý tài sản nếu không đưa tài sản cho can phạm thì can phạm sẽ dùng vũ lực gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân. Hành vi đe dọa dùng vũ lực ít mãnh liệt, khoảng cách giữa hành vi đe dọa với hành vi dùng vũ lực có sự gián đoạn về mặt thời gian.

Ví dụ: A giờ kim tiêm về phía B nói có SiDa nếu không đưa cho A 500.000 đồng, A chích kim tiêm vào người B.

* Hành vi khác uy hiếp về mặt tinh thần người quản lý tài sản. Doạ tố cáo về hành vi phạm pháp hoặc tố cáo về vấn đề đời tư.

Đặc điểm của hành vi trên chỉ khống chế một phần về tư tưởng của nạn nhân. Việc giao tài sản cho can phạm hay không là do nạn nhân quyết định trong sự miễn cưỡng.

Ví dụ: A buôn hàng cấm, B khống chế A đưa cho B 1.000.000 đồng nếu không sẽ báo Công an bắt giữ A.

Tội phạm hoàn thành khi can phạm thực hiện một trong hai hành vi trên.

3.2.4. Tội cướp giật tài sản (Điều 136)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm quan hệ sở hữu.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan là hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đặc điểm của hành vi chiếm đoạt tài sản của tội cướp giật tài sản là mang tính *công khai* và *nhANH chóng*

Tính chất nhanh chóng của hành vi chiếm đoạt của tội cướp giật thể hiện ở cả ba giai đoạn trong quá trình chiếm đoạt tài sản, đó là:

@ Nhanh chóng tiếp cận tài sản.

@ Nhanh chóng chiếm đoạt tài sản.

@ Nhanh chóng tẩu thoát tài sản.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản ra can phạm không có bất kỳ thủ đoạn nào để tiếp cận với tài sản.

Để thoả mãn đặc điểm này tài sản chiếm đoạt phải là vật gọn, nhỏ dễ lấy, dễ mang đi như dây chuyền, bông tai, túi xách. Thời điểm chuyển giao tài sản là do người phạm tội *giật lấy*.

3.2.5. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 136.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi này có đặc điểm là mang tính *công khai* và *ngang nhiên*.

Tính chất ngang nhiên của hành vi chiếm đoạt tài sản của tội phạm thể hiện ở các điều kiện sau:

* Từ thời điểm hình thành ý định phạm tội cho đến khi lấy được tài sản can phạm không có bất kỳ một thủ đoạn nào, không có ý thức đối phó, đương đầu với người quản lý tài sản, không có ý thức chạy trốn hay nhanh chóng tẩu thoát.

* Tội phạm xảy ra trong hoàn cảnh người quản lý tài sản biết người phạm tội đang chiếm đoạt tài sản của mình nhưng không có điều kiện và khả năng ngăn cản việc thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Ví dụ: B biết được A đang đứng tầng 5 nhìn xuống đất coi chiếc xe máy của mình để dưới sân, B mở khoá lấy đi.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm*: Tài sản chiếm đoạt phải trị giá từ 500.000 đồng trở lên, nếu dưới 500.000 đồng thì phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện.

1. Gây hậu quả nghiêm trọng.
2. Đã bị xử lý hành chính về một trong những hành vi chiếm đoạt.
3. Đã bị kết án về một trong các tội chiếm đoạt nhưng chưa được xoá án tích.

(Các điều kiện này sẽ được giải thích trong Tội trộm cắp tài sản).

3.2.6. Tội trộm cắp tài sản (Điều 138)

a. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 137.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* được thực hiện bởi hai hành vi:

* *Hành vi lén lút*: Là hành vi che giấu việc thực hiện hành vi phạm tội đối với người quản lý tài sản. Ví dụ: Lợi dụng hoặc tạo ra sự sơ hở của người quản lý tài sản, dùng chìa khoá mở cửa, cạy cửa...

* *Hành vi chiếm đoạt tài sản*: Đặc điểm của hành vi chiếm đoạt của tội trộm cắp tài sản là tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt ý thức chủ quan của người phạm tội cho rằng người quản lý tài sản không biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của mình.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là tài sản bị chiếm đoạt phải thoả mãn hai điều kiện:

➤ Là tài sản đang do người khác quản lý, bao gồm các nhóm sau:

- Những tài sản đang thuộc sự chiếm hữu về mặt thực tế của người quản lý tài sản. Ví dụ, ví tiền có 30 triệu đồng bỏ trong túi quần.

- Những tài sản tuy thoát ly khỏi sự chiếm hữu về mặt thực tế của người quản lý tài sản nhưng nằm trong khu vực quản lý. Ví dụ, tài sản bỏ trong phòng ở của khách sạn.

- Những tài sản không nằm trong khu vực quản lý nhưng hình thành khu vực quản lý riêng. Ví dụ, nguyên vật liệu tập kích tại một địa điểm nơi công cộng.

➤ Tài sản chiếm đoạt phải trị giá từ 500.000 đồng trở lên. Nếu dưới 500.000 đồng phải thoả mãn một trong ba điều kiện sau:

- *Gây hậu quả nghiêm trọng*: Là hậu quả gián tiếp của hành vi trộm cắp và hậu quả này thực hiện với hình thức lỗi vô ý, có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an xã hội

(như đã phân tích ở tội cướp tài sản).

- Đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi chiếm đoạt tài sản.

Can phạm đã thực hiện một trong các hành vi cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hành chính hoặc xử lý kỷ luật mà trong thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính hoặc quyết định xử lý kỷ luật lại tiếp tục trộm cắp tài sản trị giá dưới 500.000 đồng.

- Đã bị kết án về một trong những tội chiếm đoạt chưa được xoá án tích.

• Vi phạm từ hai lần trở lên có tính liên tục, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 500.000 đồng (trường hợp này mới được hướng dẫn trong Thông tư số 02/2001).

+ *Hậu quả của tội phạm*: Thời điểm phạm tội hoàn thành khi can phạm chiếm đoạt được tài sản, hay nói cách khác trong CTTP của tội trộm cắp phải có dấu hiệu hậu quả. Thời điểm tội phạm được coi là chiếm đoạt được tài sản tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại tài sản, thể hiện cụ thể như sau:

@ Can phạm đã cất giữ tài sản trong người nếu tài sản chiếm đoạt là vật gọn, nhỏ.

@ Can phạm đã mang ra khỏi khu vực quản lý nếu là tài sản công kênh.

@ Can phạm đã xê dịch tài sản khỏi vị trí ban đầu nếu là tài sản hình thành khu vực quản lý riêng.

b. Các tình tiết định khung

Tình tiết định khung của tội trộm cắp tài sản giống các tình tiết định khung của tội cướp tài sản và có thêm tình tiết hành hung để tẩu thoát.

Về tình tiết định khung tăng nặng - Hành hung để tẩu thoát là tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, và tội trộm cắp tài sản. Tình tiết này phải thoả mãn các điều kiện:

Về nội dung của tình tiết hành hung để tẩu thoát: Can phạm thực hiện một trong ba hành vi trên nhưng trong quá trình thực hiện bị phát hiện can phạm đã có hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực nhằm tẩu thoát về người hoặc tài sản.

Về thời điểm hành hung: Nếu can phạm đã lấy được tài sản bị người khác phát hiện mà tài sản đang nằm trong tay người phạm tội, người phạm tội có hành vi hành hung để giữ bằng được tài sản đã lấy.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện 1 trong 3 loại tội này mà can phạm có hành vi hành hung sẽ chuyển hoá thành tội cướp tài sản nếu thuộc hai trường hợp sau:

@ Nếu can phạm thực hiện hành vi trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt tài sản, cướp giật tài sản chưa lấy được tài sản, bị phát hiện mà có hành vi hành hung để lấy tài sản.

@ Đã lấy tài sản nhưng đã bị người khác lấy lại hoặc tài sản đang giành giật trên tay người phạm tội mà can phạm có hành vi hành hung để lấy tài sản chỉ xử lý về Tội cướp tài sản.

3.2.7. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm, giá trị tài sản chiếm đoạt: giống tội trộm cắp tài sản.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* thể hiện ở 2 hành vi:

➤ Hành vi gian dối. Là hành vi đưa ra những thông tin không đúng sự thật để người khác tin đó là sự thật. Ví dụ A nói với bố mẹ B là B bị tai nạn đang cấp cứu ở bệnh viện, yêu cầu bố mẹ B đưa cho A 5.000 000 đồng để chi phí chi việc điều trị cho B sau đó đã chiếm đoạt số tiền này.

➤ Hành vi chiếm đoạt tài sản. Hình thức chiếm đoạt tài sản được thể hiện ở hai dạng:

+ Giao nhầm: Nếu tài sản chiếm đoạt nằm trong tay người quản lý tài sản.

+ Nhận nhầm: Nếu tài sản chiếm đoạt nằm trong tay người phạm tội.

Đặc điểm việc chuyển giao tài sản: Người quản lý tài sản *do bị lừa dối* nên đã *tự nguyện giao tài sản* cho người phạm tội.

+ *Hậu quả của tội phạm* là dấu hiệu được phản ánh trong CTTP. Tội phạm hoàn thành khi can phạm chiếm đoạt được tài sản.

3.2.8. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140)

Khách thể, mặt chủ quan, chủ thể của tội phạm giống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* được thực hiện bằng một trong 3 loại hành vi sau:

➤ Sau khi nhận được tài sản trên cơ sở của hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đó. Ví dụ: A vận chuyển cho B một lô hàng điện tử, A tạo hiện trường giả tàu bị đắm để lấy lô hàng.

➤ Sau khi nhận được tài sản trên cơ sở của hợp đồng rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó. Ví dụ: A tham gia dây hụi sau khi bốc hụi xong bỏ trốn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các con hụi khác.

➤ Sau khi nhận được tài sản trên cơ sở hợp đồng đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Ví dụ: A mượn tiền của B đánh bạc, mua bán ma túy bị bắt và tịch thu tài sản, tang vật.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm*: Về giá trị tài sản chiếm đoạt phải từ 1 triệu đồng trở lên, nếu dưới 1 triệu đồng phải thỏa mãn một trong ba điều kiện.

1. Gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Đã bị xử lý hành chính về một trong những hành vi chiếm đoạt.

3. Đã bị kết án về một trong các tội chiếm đoạt nhưng chưa được xóa án tích.

(Các điều kiện này đã được giải thích trong Tội trộm cắp tài sản)

* Sự khác nhau giữa tội lừa đảo với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. thể hiện ở các tiêu chí sau:

	Điều 139	Điều 140
1. Chủ thể	Bất kỳ ai	Bất kỳ ai được chủ tài sản tín nhiệm giao tài sản
2. Mặt khách quan		
- Giá trị tài sản bị chiếm đoạt.	- Tài sản chiếm đoạt từ trên 500.000 đồng	- Tài sản chiếm đoạt từ trên 1 triệu đồng
- Hành vi khách quan	- Luôn phải có hành vi gian dối, hành vi gian dối, hành vi phải thực hiện	- Có thể có hành vi gian dối, có thể không, nếu có hành vi gian dối luôn phải thực hiện

	trước thời điểm chuyển giao tài sản	sau thời điểm chuyển giao tài sản.
- Đặc điểm tài sản	- Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu bất hợp pháp của người phạm tội	- Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người phạm tội.

3.3. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

3.3.1. Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 141)

Khách thể của tội phạm xâm phạm quan hệ sở hữu.

Chủ thể của tội phạm bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý trực tiếp

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* cố tình không nộp trả lại tài sản cho người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm sau khi đã có yêu cầu được nhận lại tài sản theo quy định của pháp luật như bán, tiêu dùng, tẩu tán, từ chối việc giao nộp.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* thể hiện ở 2 điều kiện sau:

@ Nguồn gốc tài sản. Do tìm được, bắt được ngẫu nhiên, được giao nhầm tức là tại thời điểm có tài sản can phạm không có lỗi đối với tài sản có được.

Ví dụ: Tài sản đào bới được trong lòng đất, tài sản nhặt được của người khác đánh rơi.

@ Loại tài sản.

Cổ vật, vật có giá trị lịch sử văn hoá.

Tài sản khác có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên.

3.3.2. Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 142)

Khách thể, chủ thể của tội phạm giống Điều 141

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ Lỗi cố ý trực tiếp

+ Động cơ vụ lợi là dấu hiệu bắt buộc

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác. Tức là hành vi khai thác quyền năng sử dụng của tài sản mà không được sự đồng ý chủ tài sản, hành vi này không làm mất đi quyền năng định đoạt của chủ tài sản với tài sản. Sau thời gian sử dụng tài sản, tài sản không bị mất đi vẫn còn nguyên tính năng sử dụng ban đầu.

Ví dụ: A sang nhà hàng xóm lấy xe máy đi chở hàng trong lúc không có ai ở nhà, sau đó trả lại xe ở vị trí cũ.

+ *Hành vi trên chỉ cấu thành tội phạm* nếu tài sản sử dụng trị giá từ 50 triệu đồng trở lên và phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện.

1. Gây hậu quả nghiêm trọng.
2. Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
3. Đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích.

Các tình tiết này về nội dung giống tội trộm cắp tài sản.

Thông thường, tài sản là đối tượng tác động của tội này là những vật không tiêu hao như bất động sản, xe máy, ô tô.

3.3.3. Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 141.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản người khác, thường thể hiện ở hành vi đập, phá, gây nổ, gây cháy. Có thể thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.

+ *Hậu quả của tội phạm*, tội phạm hoàn thành khi tài sản nói trên bị hư hỏng, bị huỷ hoại trị giá từ 500.000đ trở lên. Nếu tài sản bị huỷ hoại giá trị dưới 500.000 đồng phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện giống tội sử dụng trên phép tài sản.

Chú ý: Đối tượng tác động của Điều 143 không phải là những công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Vì hành vi huỷ hoại những tài sản này cấu thành Điều 231 tội phá huỷ công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

3.3.4. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản Nhà nước (Điều 144)

Khách thể của tội phạm xâm phạm quan hệ sở hữu Nhà nước.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi thiếu trách nhiệm, tức là hành vi không làm, làm không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ được giao như: bảo vệ bỏ vị trí trực làm mất tài sản.

+ *Hậu quả của tội phạm* tài sản Nhà nước bị mất, hư hỏng, lãng phí trị giá từ 50 triệu đồng trở lên.

Chủ thể của tội phạm: Là người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản Nhà nước. Như bảo vệ, thủ kho, thủ trưởng cơ quan, lái xe...

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý cầu thả.

3.3.5. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145)

Khách thể của tội phạm xâm phạm quan hệ sở hữu.

Chủ thể của tội phạm bất kỳ ai có NLTNHS.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở 2 dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi không tuân thủ, tuân thủ không đúng, không đầy đủ quy tắc bảo quản tài sản.

+ *Hậu quả của tội phạm* tài sản bị thiệt hại từ 50 triệu đồng trở lên.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi vô ý cầu thả hoặc vì quá tự tin.

Câu hỏi

1. So sánh tội cướp tài sản với tội cưỡng đoạt tài sản.
2. So sánh tội cướp tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
3. So sánh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.
4. So sánh tội cướp tài sản với tội cướp giật tài sản.

Bài tập tình huống

Bài tập số 01

Chiều 13/03/2004, Nguyễn Thành cùng Trần Tám đi mua cá giống về nuôi, đến phà Cồn Tiên (An Giang) có em bé mời mua vé số. Thành móc túi lấy ra 6.000đ mua 03 tờ vé số. Trong khi Thành trả tiền, Tám giơ tay ra lấy 03 tờ vé số từ người bán đút vào túi quần và nói: "Nếu trúng thưởng vài triệu rồi sẽ nhậu nhé". Thành không có phản ứng gì. Sáng hôm sau khi dò vé số biết trúng thưởng giải đặc biệt Tám đã rủ bạn gái là Hồ Lộng Ngọc cùng đi nhận thưởng 150 triệu. Tám dặn Ngọc đừng nói cho ai biết việc trúng thưởng vé số và đưa cho Ngọc 500.000đ. Chiều cùng ngày khi Tám gặp Thành, Tám nói: "03 tờ vé số hôm qua trật lất hết rồi", đồng thời khoe với Thành có người nhà ở Mỹ vừa gửi về 3.000 USD rồi rủ Thành đi nhậu. Thành nghi ngờ và tiến hành điều tra xác minh được biết 3 vé số mà mình mua trúng giải đặc biệt.

Thành yêu cầu Tám trả lại số tiền đó nhưng Tám kiên quyết từ chối với lý do là vé không trúng thưởng.

Xác định Tám có phạm tội không. Tội gì ? Tại sao?

Bài tập số 02

Trần Hùng là sinh viên Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 09 giờ ngày 20 tháng 08 năm 2002, Hùng đi xe máy tới trường rồi gửi xe vào bãi giữ xe của trường nhưng vẫn cắm chìa khoá ở ổ khoá. Khi Hùng đi khỏi Nguyễn Thành phát hiện thấy xe của Hùng có chìa khoá ở ổ khoá đã lợi dụng lúc người giữ xe không để ý, rút lấy chìa khoá đó rồi đi ra ngoài. Khoảng 10 phút sau Thành quay lại tra chìa vào ổ khoá chiếc xe của Hùng rồi dắt xe ra ngoài. Khi người giữ xe hỏi về giữ xe, Thành luống cuống trả lời là dắt lộn xe rồi dắt xe quay lại để ở vị trí cũ. Người giữ xe thấy có nghi ngờ nên đã bắt giữ Thành. Qua điều tra Thành khai nhận diễn biến vụ việc như trên.

Hãy xác định trách nhiệm hình sự của Thành.

Bài tập số 03

Trần Hoàn trú tại Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam), làm thuê cho cửa hàng điện tử số 37 Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng. Hoàn thường xuyên nhận nhiệm vụ giao hàng điện tử cho Hoàn Mỹ trú tại Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Do có quan hệ quen biết với Mỹ nên Hoàn nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trong nhà Mỹ. Hoàn đã bàn bạc với Chuyên và Huy, được hai tên đồng ý.

Vào lúc 16 giờ ngày 20/10/2003, theo kế hoạch Huy chui vào thùng đựng tủ lạnh. Hoàn và Chuyên đã mang thùng hàng này tới nhà Mỹ và nói với Mỹ cho gửi lại sáng mai tới lấy để đưa vào giao cho người khác ở Tam Kỳ. Khoảng 23 giờ khi

mọi người trong nhà ngủ im ắng, Huy chui ra khỏi thùng hàng mở chốt cửa phía trong nhà Mỹ cho Hoàn và Chuyên đợi sẵn ngoài cổng vào trong nhà, 03 tên lấy được 3 linh kiện hàng trị giá 50 triệu đồng bán tiêu xài.

Hãy xác định tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 04

Hoàng Văn Huy do muốn có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Huy theo dõi thấy cô giáo Thuỷ đang đi dạy về qua đường nên Huy đã giả danh là một sinh viên, ăn mặc lịch sự, đón xe của cô Thuỷ quá giang và được Thuỷ đồng ý cho đi nhờ, rồi Thuỷ giao tay lái cho Huy. Khi qua đoạn đường vắng người, Huy giả vờ đánh rơi chiếc mũ và dừng lại, rồi nhờ cô Thuỷ quay lại nhặt hộ mũ. Khi Thuỷ đi nhặt mũ thì Huy phóng xe máy tẩu thoát. Thấy vậy, Thuỷ hô "cướp, cướp" và Huy đã bị những người dân làm việc gần đấy bắt giữ.

Hãy xác định Huy phạm tội gì. Tại sao?

Bài tập số 05

Ông Trần Đình Khang trú tại huyện Mỹ Đức (Hà Tây) có hai con vịt đẻ thường xuyên thả ra cánh đồng trước nhà. Chiều 09/06/2000, không thấy vịt về, Khang đi tìm thì được một số người cho biết là Thái Hoàng Phương (bảo vệ thôn) đã lừa vịt từ ruộng mạ vào bãi dâu để bắt. Khang lên UBND xã báo sự việc. Sáng hôm sau, Khang tìm thấy hai con vịt bị khoá cánh đã chết nằm cạnh một quả trứng trong bãi dâu. Khang đã đến UBND xã báo cáo thì gặp Phương đang ở đó. Khang yêu cầu Phương viết giấy đền bù hai con vịt đẻ là 500.000đ. Vì sợ bị cắt hợp đồng bảo vệ nên Phương đã ký nhận vào giấy cam kết nhưng sau đó không thực hiện. Khang làm đơn yêu cầu uỷ ban xã giải quyết. Chiều 12/7/2000, xã mời hai bên lên hoà giải lần cuối cùng nhưng không thành. Khang ra về với lời lăng mạ thách thức sẽ xử theo luật rừng và sẽ về nhà Phương bắt trâu để thực hiện cam kết.

Trên đường từ xã về, Khang ghé nhà Phương thì gặp Trương Thị Quỳnh (vợ Phương) đang dắt trâu vào chuồng. Khang xông vào túm lấy thùng trâu giằng co với Quỳnh. Thùng đứt, trâu sổng chuồng lội xuống ao làng. Khang lội xuống ao dắt trâu về nhà hằng ngày đi chặn giữ nhằm thi hành án.

Trong lúc giằng co trâu, thùng đứt Quỳnh bị ngã va đầu vào tường tỷ lệ thương tật 11%.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 06

Khoảng 16 giờ ngày 30 tháng 09 năm 2003, Đoàn Minh Đĩnh trú ở quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cao hứng chở vợ là Mạc Thị Ngân đến thăm nhà người bạn là Huệ ở cách nhà Đĩnh khoảng 2 km. Tại nhà Huệ, uống xong 1 tuần trà, Đĩnh bảo vợ: “Em ở lại chơi với Huệ, anh về cho heo ăn”, rồi Đĩnh lấy xe đi về nhà. Ngân vừa nói chuyện với Huệ vừa hồ nghi trong bụng, bởi chính Ngân vừa cho heo ăn xong. Hơn nữa, từ trước tới nay Đĩnh đâu có để ý tới chuyện nuôi heo, cứ gì hôm nay lại quan tâm như vậy. Ngân nói với Huệ cho qua

chuyện rồi ra thuê xe ôm về nhà quyết tìm cho ra sự thật.

Tới nhà, cửa nhà mở, trong nhà im ắng, Ngân lại nghe có tiếng nói nhỏ, tiếng thở khe khẽ. Ngân cầm cái kéo may, đập mạnh cửa buồng xông vào và sững sờ nhìn thấy chồng mình đang cùng chị Yến Vy (người hàng xóm đã có chồng) đang làm chuyện mây mưa trên giường.

Ngân quơ hết mớ quần áo của 02 người vút ra khỏi buồng. Tiếp đến, Ngân nhảy vào tát vào mặt Vy 02 cái và đập 03 đập. Vy ngồi im không dám la. Đỉnh cũng ngồi im ôm gối sợ vợ làm to chuyện. Ngân đánh đấm Vy một hồi mới tay chân, Ngân quay ra dùng kéo cắt tóc Vy. Ngân vừa cắt tóc Vy, vừa dọa: “Mày khôn hồn thì ngồi im, nếu chông cự thì tao la làng ngay cho mọi người đến coi thử xem ai xấu hổ”. Vy phải cúi lạy Ngân, xin Ngân tha thứ. Ngân nói: “Mày phải mua danh dự”. Vy năn nỉ Ngân cho đền 2 con bò có sẵn bên nhà nhưng Ngân không đồng ý. Sau đó, Ngân thấy sợi dây chuyền 3 chỉ lấp lánh trên ngực Vy, Ngân cời ra lấy luôn rồi cho Vy và Đỉnh mặc quần áo ra về.

Hãy xác định tính chất pháp lý của vụ án trên.

Bài tập số 07

Chiều 09/6/2001, ông Ngô Hà (trú tại thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà) mua 02 vé xổ số kiến thiết loại vé 3.000đ. Khoảng 10 giờ sáng hôm sau, anh Nguyễn Lam hàng xóm sang chơi, do không biết chữ nên Hà đã đưa cho Lam 02 vé số nhờ dò hộ. Khi dò vé số thấy 02 vé số trúng giải đặc biệt với số tiền 150 triệu đồng. Vì lòng tham muốn chiếm đoạt 02 vé số đó nên Lam nói là vé không trúng thưởng rồi vút 02 vé số vào sọt rác trong góc nhà ông Hà. Sau 15 phút, Lam về nói với vợ là bà Nga: "Trong sọt rác nhà ông Hà có 02 vé số trúng giải đặc biệt cô qua đó giả vờ xin tấm bìa rồi lấy về". Nga thực hiện theo sự sắp đặt của Lam lấy được 02 vé số về rồi 02 vợ chồng đi nhận thưởng.

Hãy xác định trách nhiệm hình sự của Hà và Nga.

Chương 4.

CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ

4.1. KHÁI NIỆM CHUNG

Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thông qua hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế xâm hại chế độ quản lý, điều hành nền kinh tế Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xâm phạm quyền và lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Mặt khách quan của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thể hiện ở các hành vi cố ý vi phạm các quy định của Nhà nước bằng nhiều loại hành vi khác nhau.

Đa số các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có cấu thành tội phạm (CTTP) hình thức- tức là trong mặt khách quan chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan. Một số tội, hậu quả nghiêm trọng là dấu hiệu bắt buộc như Điều 165

Chủ thể của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: Người thực hiện các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có thể là bất kỳ ai đạt độ tuổi chịu TNHS và có NLTNHS

Mặt chủ quan của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp.

4.2. CÁC TỘI PHẠM CỤ THỂ

4.2.1. Tội buôn lậu (Điều 153)

a. Dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách quản lý nội thương và ngoại thương.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi buôn bán hàng hoá qua biên giới quốc gia trái phép.

+ *Địa điểm phạm tội* qua biên giới quốc gia là dấu hiệu bắt buộc.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* thuộc 3 nhóm sau:

@ Hàng cấm phải có số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về 1 trong các hành vi từ Điều 153 đến Điều 161, hoặc đã bị kết án về 1 trong những tội này nhưng chưa được xoá án tích.

Chú ý: Hàng cấm là đối tượng tác động của Điều 153 trừ các mặt hàng cấm đã quy định thành các tội độc lập như ma tuý, vũ khí quân dụng... vì các loại tài sản này đã được quy định thành các tội danh độc lập.

@ Vật phẩm thuộc di tích lịch sử văn hoá.

@ Hàng hoá khác phải có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên. Nếu dưới 100 triệu đồng thì phải thoả mãn 1 trong 2 điều kiện:

- Đã bị xử phạt hành chính về 1 trong những hành vi được quy định từ Điều 153 đến Điều 161.

- Đã bị kết án về một trong những tội này nhưng chưa được xoá án tích.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có năng lực TNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý trực tiếp.

b. Hình phạt

Các tình tiết định khung hàng cấm có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn, thu lời bất chính lớn, chưa được hướng dẫn cụ thể, do đối tượng tác động của tội buôn lậu rất rộng, đa dạng. Mới chỉ có hướng dẫn về một số mặt hàng như thuốc lá ngoại, thuốc pháo...(sẽ được giải thích cụ thể trong tội buôn bán hàng cấm).

4.2.2. Tội vận chuyển trái phép hàng hoá tiền tệ qua biên giới (Điều 154)

Các dấu hiệu pháp lý và các tình tiết định khung giống điều 154, chỉ khác điều 153, ở hành vi khách quan đó là hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ *qua biên giới*.

4.2.3. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm (Điều 155)

a. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có năng lực TNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* được thực hiện bởi 1 trong 4 loại hành vi:

1. Hành vi sản xuất hàng cấm.
2. Hành vi tàng trữ hàng cấm.
3. Hành vi vận chuyển hàng cấm.
4. Hành vi buôn bán hàng cấm.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là hàng cấm có số lượng lớn (trừ các mặt hàng cấm là ma túy, động vật, thực vật rừng quý hiếm, vũ khí quân dụng...).

Danh mục các mặt hàng cấm theo NĐ 11/CP của Chính Phủ ban hành ngày 3/3/1999, đó là:

1. Vật thuộc di tích lịch sử văn hoá.
2. Sản phẩm văn hoá phản động đòi truy, mê tín dị đoan.
3. Thuốc lá điều sản xuất tại nước ngoài.
4. Thuốc chữa bệnh, dụng cụ y học chưa được phép sử dụng tại Việt Nam.
5. Đồ chơi trẻ em có hại tới giáo dục, nhân cách, sức khoẻ trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội.
6. Pháo nổ, thuốc pháo.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 81/2002 ngày 10/6/2002 của Chánh án TANDTC thì hàng cấm là thuốc lá ngoại: từ 1.500 đến 4.500 bao là số lượng lớn, từ 4.500 đến 13.500 bao là số lượng rất lớn vụn từ 13.500 bao trở lên là số lượng đặc biệt lớn.

Thông tư 01/96/BNV-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/01/1996 hướng dẫn định lượng thuốc pháo và pháo nổ

Nếu hàng cấm có số lượng chưa lớn phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện:

@ Thu lời bất chính lớn.

@ Đã bị xử phạt hành chính về 1 trong những hành vi được quy định từ

Điều 153 đến Điều 161.

@ Đã bị kết án về một trong những tội này nhưng chưa được xoá án tích.

+ Địa điểm phạm tội các hành vi trên phải diễn ra trong nội địa.

4.2.4. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có năng lực TNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ Hành vi khách quan được thực hiện bằng 1 trong 2 loại hành vi

@ Hành vi sản xuất hàng giả.

@ Hành vi buôn bán hàng giả.

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là hàng giả.

Có 2 loại hàng giả là hàng giả về nội dung và hàng giả về hình thức.

* Hàng giả về hình thức: Là loại hàng có đảm bảo về giá trị sử dụng nhưng nó mang nhãn hiệu của 1 cơ sở sản xuất khác.

Đối với người sản xuất buôn bán hàng giả về hình thức bị xử lý về Điều 171 Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

* Hàng giả về nội dung: Là loại hàng hoá mà mức chất lượng thực tế thấp hơn mức tối thiểu mà Nhà nước quy định về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, hoặc hàng hoá có giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên của nó

Hàng giả về nội dung mới là đối tượng tác động của tội này.

Văn bản hướng dẫn: Công văn số 36, ngày 2/5/91 TANDTC. Thông tư số 10/2000 ngày 25/4/2000 của Bộ thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường. Theo thông tư này thì răng giả, chân tay giả, đồ cổ giả, vàng bạc, tiền, ngoại tệ giả không phải là hàng giả. Đối tượng tác động của tội này.

Sự khác nhau giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội buôn bán hàng giả được thể hiện như sau:

	Tội buôn bán hàng giả	Tội lừa đảo
1. ĐTTĐ.	- Chỉ là hàng hoá.	- Hàng hoá, ngoại tệ, tiền...
2. Hành vi gian dối	- Có thể có, có thể không	- Bắt buộc có hành vi gian dối
3. Mục đích.	- Trục lợi.	- Chiếm đoạt.
4. Người bị hại.	- Nhằm vào bất kỳ người tiêu dùng nào.	- Nhằm vào 1 người xác định.
5. Tính chất hành vi buôn bán.	- Luôn thể hiện qua hành vi buôn bán.	- Có thể có, có thể không có hành vi mua bán.

Ngoài ra giữa 2 tội này còn có điểm khác biệt đặc trưng đó là:

- *Đối với tội lừa đảo*: Người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối như chào hàng bằng hàng thật, bằng giấy tờ thật nhưng khi giao hàng thì là hàng giả, giấy tờ giả hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác làm cho người mua tin tưởng và đồng ý mua hàng nhưng khi giao lại trao hàng giả hoặc lừa dối khi trả tiền thiếu cho người bán.

- *Đối với tội buôn bán hàng giả*: Người mua có sự xem xét, trao đổi, mặc cả khi mua nhưng do bất cẩn mà mua phải hàng giả.

* *Chú ý*: Nếu một người có hành vi sản xuất hoặc buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh thì cấu thành Điều 157 tội sản xuất hoặc buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, và Điều 158 tội sản xuất hoặc buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi với các mức hình phạt nặng hơn.

Nếu sản xuất, buôn bán hàng giả là nguyên vật liệu xây dựng thì xử lý theo Điều 156. Nguyên tắc xử lý này là bất cập vì tính chất của đối tượng tác động hàng giả là nguyên vật liệu xây dựng có khả năng gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

4.2.5. Tội đầu cơ (Điều 160)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai có năng lực TNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi mua vét hàng hoá tiêu dùng thiết yếu trong đời sống hàng ngày như lương thực, xăng dầu với số lượng lớn.. Mua vét được hiểu là có bao nhiêu mua hết bấy nhiêu, vượt ngoài nhu cầu tiêu dùng nhằm mục đích bán lại để kiếm lời.

+ *Thủ đoạn phạm tội* thể hiện ở 1 trong 2 dạng

* Lợi dụng tình hình khan hiếm: Thực tế trên thị trường mặt hàng kê phạm tội đầu tư thực sự không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng.

* Tạo ra sự khan hiếm giả tạo: Thực tế mặt hàng đó đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng nhưng can phạm đã tung tin thất thiệt làm người tiêu dùng lầm tưởng hàng hoá khan hiếm mà bỏ tiền mua hàng của họ với giá cao hơn.

+ *Hoàn cảnh phạm tội* hành vi trên chỉ CTTP nếu thực hiện trong hoàn cảnh có thiên tai, dịch bệnh hoặc chiến tranh.

4.2.6. Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

Chủ thể của tội phạm là người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Ví dụ: Thủ trưởng cơ quan, chánh văn phòng, trưởng phòng tài vụ, kế toán.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý, có thể là lỗi cố ý trực tiếp, có thể là lỗi cố ý gián tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi làm trái (tức là làm không đúng không đầy đủ) các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế.

Ví dụ: Cố ý chuyển mục đích sử dụng đất Nông nghiệp để cấp làm nhà ở. Nhập hàng đã sản xuất được trong nước khi đã có văn bản đình chỉ nhập khẩu. Hoặc vụ Tổng công ty bưu chính viển thông, trong quá trình hoạt động thừa tiền gửi Ngân hàng (lãi suất cho vay thấp hơn), khi cần vốn đầu tư lại đi vay Ngân

hàng (lãi suất đi vay cao hơn), mua bán thiết bị vòng vèo tăng chi phí vô lý cho công ty.

Tuy nhiên, nếu việc làm năng động, sáng tạo mang tính thử nghiệm, tìm tòi cái mới vì lợi ích chung nhằm phát triển sản xuất cái thiện đời sống của cán bộ nhưng bị thất bại gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước thì không cấu thành tội phạm.

+ *Hậu quả của tội phạm* là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP. Cụ thể là phải gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước từ 100 triệu đồng trở lên. Hoặc dưới 100 triệu đồng phải thoả mãn đồng thời 2 điều kiện:

@ Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

@ Gây hậu quả nghiêm trọng khác như: làm hư hỏng cán bộ, lũng đoạn tổ chức, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, công nhân bị thất nghiệp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của cán bộ, công nhân của cơ quan, công ty.

Bài tập tình huống:

Chu Mạnh Cường trú tại quận Tây Hồ (Hà Nội) thường xuyên qua Trung Quốc mua hàng hoá vận chuyển qua cửa khẩu Tân Thanh mang về Hà Nội tiêu thụ. Trong thời gian ở Trung Quốc, Cường đã nắm bắt được công nghệ sản xuất bát điện tử, sử dụng cho mục đích cờ bạc bịp. Cường về Lạng Sơn mua bát sứ thường có đế rỗng, một số linh kiện như màn hình tivi 5 inch, đầu thu camera sản xuất được 100 mặt hàng này đã tiêu thụ hết với giá 5,5 triệu đồng một chiếc, thu được lợi nhuận 200 triệu đồng.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Chương 5.

CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN

5.1. KHÁI NIỆM CHUNG

5.1.1. Khái niệm

Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân là những hành vi xâm phạm các quyền tự do về thân thể, chỗ ở, quyền chính trị, quyền lao động, quyền được đảm bảo bí mật về đời tư, quyền tự do tôn giáo của công dân.

5.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm: Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân xâm phạm các quyền tự do về thân thể, chỗ ở, quyền chính trị, quyền lao động, quyền được đảm bảo bí mật về đời tư, quyền tự do tôn giáo của công dân.

Mặt khách quan của tội phạm các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân đều có CTTTP hình thức. Vì vậy, trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của các tội này thực hiện bằng hành động như: xâm nhập trái phép vào chỗ ở của người khác, bóc trộm thư, nghe trộm điện thoại của người khác...

Chủ thể của tội phạm là người có NLTNHS và đủ 16 tuổi trở lên

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

5.2. MỘT SỐ TỘI PHẠM CỤ THỂ

5.2.1. Tội bắt giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm quyền tự do về thân thể của công dân.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi một dấu hiệu hành vi khách quan, đó là hành vi bắt giữ hoặc giam người trái pháp luật (tức là hành vi bắt, giữ, giam người không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục, thẩm quyền).

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

5.2.2. Tội xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân (Điều 126)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm quyền tự do về chính trị như: quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan là hành vi cản trở quyền bầu cử của công dân bằng một trong các thủ đoạn như:

@ Lừa gạt. Ví dụ, người phạm tội có hành vi gian dối để người khác hiểu sai về người được giới thiệu ra ứng cử hoặc giải thích xuyên tạc cách ghi trong phiếu bầu làm phiếu đó bất hợp lý.

@ Mua chuộc. Ví dụ, người phạm tội dùng lợi ích vật chất buộc người khác bỏ phiếu theo ý chí của mình.

@ Cưỡng ép. Ví dụ, người phạm tội đe dọa, khống chế người đi bầu cử để họ bỏ phiếu theo ý chí của mình.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

5.2.3. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 132)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan với một trong 3 dạng hành vi sau:

@ Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn để cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo như: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, có lời nói khồng chế không cho gửi đơn, không nhận đơn, buộc người gửi đơn rút lại đơn...

@ Cố ý không chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại tố cáo như: không nhận người đã sa thải trái pháp luật trở lại làm việc, không khôi phục Đảng, danh hiệu cho người khiếu kiện đã bị xử lý không đúng quy định...

@ Trả thù người khiếu nại, tố cáo như: không nâng lương, hạ chức vụ, chuyển đi làm nhiệm vụ không đúng chuyên môn...

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ quyền hạn liên quan đến nội dung giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc là bất kỳ ai đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ, mục đích phạm tội của tội này rất đa dạng nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Câu hỏi: Các khẳng định sau đúng hay sai? Tại sao?

1. Hành vi bắt, giữ, giam người nhằm chiếm đoạt tài sản bị truy tố về tội bắt giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123).

2. Chủ thể của tội xâm phạm quyền khiếu nại tố cáo của công dân phải là người có chức vụ quyền hạn.

3. Chủ thể của tội xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân là bất kỳ ai có NLTNHS và đạt độ tuổi.

Chương 6.

CÁC TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH

6.1. KHÁI NIỆM CHUNG

6.1.1. Khái niệm

Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.

6.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình xâm phạm các quan hệ xã hội hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, giữa những người có quan hệ huyết thống, trực hệ, giữa những người có quan hệ tình cảm gắn bó về cấp dưỡng, về thuần phong mỹ tục.

Mặt khách quan của tội phạm: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân, gia đình đều có CTTP hình thức. Vì vậy, trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan thực hiện bằng hành động.

Chủ thể của tội phạm: Là người có NLTNHS và đủ 16 tuổi trở lên và là người có quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ huyết thống đối với nạn nhân.

Mặt chủ quan của tội phạm: Được đặc trưng bởi dấu hiệu lỗi cố ý trực tiếp. còn động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của các tội này.

6.2. MỘT SỐ TỘI PHẠM CỤ THỂ

6.2.1. Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ (Điều 146)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm đến chế độ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Mặt khách quan của tội phạm được thực hiện bởi 1 trong 3 loại hành vi sau:

1. Hành vi cưỡng ép kết hôn: Là hành vi dùng mọi thủ đoạn để bắt buộc bên nam hoặc bên nữ hoặc cả hai phải kết hôn trái với sự tự nguyện của họ.

2. Hành vi cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. Ví dụ, không cho lấy người ngoài đạo.

3. Hành vi cản trở việc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Các hành vi trên phải thực hiện bằng một trong các thủ đoạn sau:

1. Hành hạ ngược đãi, đối xử tàn ác, tội tộ với người khác.

Ví dụ: Đánh đập nạn nhân, bắt nạn nhân nhịn ăn, xỉ vả, nhiếc móc nạn nhân.

2. Uy hiếp về tinh thần như: dọa sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản của người bị đe dọa.

Ví dụ: Một người chồng chết, muốn tái hôn nhưng con không đồng ý nên đã dọa mẹ sẽ chết, hoặc bỏ nhà đi bụi đời nếu mẹ lấy chồng khác.

3. Đưa ra yêu sách về của cải như: thách cưới cao để bên kia không đáp ứng được phải bỏ nhau.

Hành vi trên chỉ cấu thành tội phạm nếu đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. Tức là người đó đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi này, trong vòng một năm người đó lại tái phạm.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai. Thông thường là người có ảnh hưởng về vật chất, tinh thần hoặc quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi cố ý trực tiếp

6.2.2. Tội vi phạm chế độ một vợ một chồng (Điều 147)

Khách thể của tội phạm: Là sự xâm phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.

Mặt khách quan của tội phạm: Được thực hiện bởi 1 trong 2 hành vi sau:

1. Hành vi của người đã có vợ hoặc đã có chồng kết hôn với người đang có chồng hoặc đang có vợ hoặc với người chưa có vợ, chưa có chồng.

2. Hành vi chung sống như vợ chồng với người đang có vợ hoặc đang có chồng.

Chung sống một cách công khai, được mọi người xung quanh coi như vợ chồng và cả hai bên đều hướng tới thực hiện các chức năng của một gia đình như có con chung, có tài sản chung.

Những hành vi nói trên chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn 1 trong 2 điều kiện sau:

@ Gây hậu quả nghiêm trọng.

Ví dụ: A kết hôn với B đã có 2 con chung, A tiếp tục chung sống với M như vợ chồng. B nhiều lần khuyên nhủ A và nhờ chính quyền địa phương can thiệp để A chấm dứt quan hệ hôn nhân bất hợp pháp này nhưng A không thay đổi. B đã tự sát. Trường hợp này B tự sát là hậu quả nghiêm trọng của hành vi của A đã có vợ mà còn chung sống như vợ chồng với người khác.

@ Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.

Tức là người phạm tội đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi này, trong thời hạn 1 năm người đó lại tiếp tục vi phạm.

Chủ thể của tội phạm: Thuộc một trong hai nhóm:

1. Người đang có vợ hoặc đang có chồng.

2. Người chưa có vợ hoặc chưa có chồng: Đối với người này phải thoả mãn điều kiện là họ phải biết rõ là người kia là người đang có vợ hoặc đang có chồng.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp có thể là cố ý gián tiếp).

6.2.3. Tội loạn luân (Điều 150)

Khách thể của tội phạm: Là sự xâm phạm thuần phong mỹ tục trong quan hệ huyết thống trong gia đình.

Mặt khách quan của tội phạm: Chỉ có hành vi giao cấu.

Đặc điểm của hành vi giao cấu là phải có sự thuận tình giữa 2 bên.

Chú ý: Nếu một trong 2 người dưới 13 tuổi thì xử lý người kia về tội hiếp dâm trẻ em, nếu từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì xử lý người kia về tội giao cấu với trẻ em có tính chất loạn luân.

Chủ thể của tội phạm: Giữa những người thực hiện hành vi giao cấu phải cùng dòng máu trực hệ trong phạm vi ba đời.

Mặt chủ quan của tội phạm: Là lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp có thể là cố ý gián tiếp).

6.2.4. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu,

người có công nuôi dưỡng mình (Điều 151)

Khách thể của tội phạm: Là sự xâm phạm sự tôn trọng, đối xử bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

Mặt khách quan của tội phạm: Được thực hiện bằng hành vi hành hạ hoặc ngược đãi ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình.

Ví dụ: Xi vả nạn nhân, cho ăn đói mặc rách, cho nạn nhân sinh hoạt cùng chó mèo, đánh đập, giam hãm... Các hành vi này chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn 1 trong hai điều kiện:

@ Gây hậu quả nghiêm trọng.

@ Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này. Tức là người phạm tội đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi này, trong thời hạn 1 năm người đó lại tiếp tục vi phạm.

Chủ thể của tội phạm: Chỉ có thể là những người thân trong gia đình như ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình.

Mặt chủ quan của tội phạm: Là lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp có thể là cố ý gián tiếp)

Câu hỏi:

Các khẳng định sau đúng hay sai? Tại sao?

1. Mọi hành vi giao cấu thuận tình giữa những người cùng dòng máu về trực hệ trong phạm vi 3 đời đều cấu thành tội loạn luân.

2. Bố chồng giao cấu thuận tình với con dâu cấu thành tội loạn luân.

3. Mọi hành vi chung sống với người khác như vợ chồng của người đã có vợ hoặc đã có chồng đều cấu thành tội vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Chương 7. CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TUÝ

7.1. KHÁI NIỆM CHUNG

Văn bản pháp luật:

Thông tư 01/98/VKSNDTC-TANDTC-BCA ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng các tội phạm ma túy.

Thông tư 02/98/VKSNDTC-TANDTC-BCA ngày 05/08/1998

Nghị quyết 01/2001/HĐTPATC ngày 15/03/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều 139, 193, 278 và 289

Nghị quyết 02/2003/HĐTPATC ngày 17/04/2003

7.1.1. Khái niệm

Các tội phạm ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

7.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy.

Đối tượng tác động của các tội phạm trong nhóm này là các chất ma túy hoặc các dụng cụ, phương tiện dùng vào vật sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt khách quan của tội phạm: Cấu trúc của các tội phạm ma túy đều có CTTTP hình thức. Vì vậy, trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan luôn thực hiện bằng hành động.

Chủ thể của tội phạm là người có NLTNHS và đủ 16 tuổi trở lên (trừ Điều 201- chủ thể là người có trách nhiệm trong việc xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, phân phối, cấp phát, sử dụng các chất ma túy).

Mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của các tội này.

7.2. MỘT SỐ TỘI PHẠM CỤ THỂ

Trong cấu thành tội phạm của các tội phạm ma túy hoàn toàn giống nhau ở các dấu hiệu là khách thể, chủ thể, mặt chủ quan như đã phân tích trong phần khái niệm chung. Giữa chúng chỉ khác nhau về mặt khách quan. Vì vậy khi đề cập đến các dấu hiệu của mỗi cấu thành tội phạm chúng ta chỉ cần đề cập đến nội dung các dấu hiệu trong mặt khách quan.

7.2.1. Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 192)

Mặt khách quan của tội phạm: Là hành vi trồng trái phép các loại cây có chứa chất ma túy. Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn đầy đủ 3 điều kiện sau:

1. Đã được giáo dục nhiều lần: Người phạm tội đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về việc trồng các loại cây đó, đã được nhắc nhở từ 2 lần trở lên yêu cầu chấm dứt việc trồng loại cây này và yêu cầu vứt bỏ những cây đã trồng.

2. Đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống: Là đã được hỗ trợ tiền vốn, kỹ thuật, cây giống thay thế cây thuốc phiện

3. Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này: Tức là người phạm tội đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi này, trong thời hạn 1 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt người đó lại tiếp tục vi phạm.

7.2.2. Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 192)

Mặt khách quan của tội phạm: Là hành vi sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào

Ví dụ: Lấy nhựa cây cần sa, cây thuốc phiện, chiết xuất dầu cần sa, cao cô ca, điều chế nhựa thuốc phiện thành moóc phin, từ moóc phin thành hêrôin. Hoặc pha chế trộn các chất ma túy tạo thành hỗn hợp ở thể rắn hay thể lỏng. Thành viên nén, thành bánh.

Chú ý: Những hành vi pha chế ma túy đơn giản để dễ sử dụng như pha chế thuốc phiện thành dung dịch để dễ tiêm chích, nghiền hêrôin từ bánh thành bột để dễ hút hít thì không cấu thành tội phạm này.

7.2.3. Tội tàng trữ, vận chuyển mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194)

Mặt khách quan của tội phạm: Được thực hiện bởi một trong các hành vi sau:

1. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Là hành vi cất giữ bất hợp pháp chất ma túy ở bất kỳ nơi nào mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác.

2. Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy: Là hành vi chuyển dịch trái phép chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác.

3. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Là hành vi mua và bán, hoặc hành vi mua nhằm mục đích để bán hoặc hành vi bán trái phép chất ma túy nhằm kiếm lời.

4. Hành vi chiếm đoạt chất ma túy: Là hành vi lấy trái phép chất ma túy của người khác bằng các hành vi cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo...

Chú ý:

+ Nếu một người thực hiện nhiều loại hành vi nêu trên chỉ nhằm vào một loại đối tượng tác động thì chỉ xử lý một tội với tên tội danh đầy đủ là Tội tàng trữ, vận chuyển mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

+ Nếu một người làm giả chất ma túy để buôn bán trao đổi thì bị xử lý về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139).

7.2.4. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197)

Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của tội phạm được thực hiện bằng hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi này thể hiện ở các dạng như sau:

@ Hành vi cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác sử dụng (trừ hành vi bán).

@ Hành vi cung cấp công cụ, phương tiện để người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

@ Hành vi tập hợp, lôi kéo những người có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy.

Hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm để người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

7.2.5. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198)

Mặt khách quan của tội phạm. Được thực hiện bằng hành vi chứa chấp người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi này được thực hiện như: cho thuê, cho mượn, địa điểm để người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Các hành vi trên mang tính bị động hay nói cách khác người cho thuê cho mượn địa điểm thực hiện sau khi con nghiện yêu cầu, còn hành vi cho thuê cho mượn địa điểm của tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mang tính chủ động tức là người cho thuê cho mượn địa điểm có ý định trước khi con nghiện yêu cầu.

7.2.6. Tội sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 199)

Mặt khách quan của tội phạm: Được thực hiện bằng hành vi sử dụng trái phép chất ma túy - Là hành vi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể mình bằng bất kỳ hình thức nào. Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn đầy đủ 2 điều kiện.

1. Đã được giáo dục nhiều lần về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.
2. Đã bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi này.

Bài tập tình huống

Ngày 28/01/2000, Trần Đình Mến trú tại thị trấn Mèo Vạc (Hà Giang) đã mua 100 kg quả thuốc phiện tươi bằng việc thu gom của những người dân trong bản rồi mang về nhà phơi khô, sau đó chế biến thành 05 kg nhựa thuốc phiện.

Ngày 02/02/2000, Nông Viết Ngư hàng xóm sang chơi, thấy Mến đang đóng thuốc phiện thành từng gói nhỏ, Mến dụ dỗ Ngư hút thử tại nhà Mến, rồi cho Ngư 100g thuốc phiện mang về nhà để hút. Sau khi sử dụng hết số thuốc phiện này, Ngư lại sang nhà Mến xin thêm thì Mến không cho nữa mà Mến đề nghị Ngư phải mua. Cuối cùng Ngư đã mua 100g thuốc phiện, rồi Mến cho Ngư mượn tàu hút thuốc phiện để hút ngay tại nhà mình.

Hãy căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự hiện hành về các tội phạm ma túy, hãy xác định trách nhiệm hình sự của Mến. Trên cơ sở đó chỉ ra những bất cập và hướng hoàn thiện.

Chương 8.

CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG VÀ TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

8.1. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG

8.1.1. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (Điều 202)

Văn bản hướng dẫn:

Thông tư 02/96/TTLN VKSNDTC – TANDTC – BNV ngày 07/01/1995.

Nghị quyết 02/2003/HĐTPATC ngày 17/04/ 2003.

Luật giao thông đường bộ ngày 01/07/2003

a. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm: Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trực tiếp xâm hại tới 2 loại quan hệ xã hội, đó là:

+ Xâm phạm đến sự an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ.

+ Xâm phạm quan hệ về tính mạng, sức khoẻ và tài sản của người khác

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Như đi qua tốc độ, tránh, vượt trái phép, chở hàng hoá cồng kềnh, chở quá trọng tải...

Hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc: Chỉ cấu thành tội phạm nếu hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng. Hậu quả nghiêm trọng trong CTTTP của tội này được hướng dẫn trong Nghị quyết 02/2003 như sau:

- Làm chết một người.

- Gây thương tích cho từ 1 đến 4 người mà tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% trở lên.

- Gây thiệt hại về tài sản trị giá tài sản từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

3. Mỗi quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ với hậu quả tai nạn

Trong một CTTTP nếu hậu quả đã được phản ánh là một dấu hiệu trong mặt khách quan thì mỗi quan hệ nhân quả cũng sẽ là một dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của CTTTP. Như vậy, việc áp dụng những CTTTP loại này nói chung và CTTTP của các tội xâm phạm TTATGTĐB nói riêng không chỉ đòi hỏi phải xác định hậu quả nghiêm trọng cho xã hội mà còn phải xác định mối quan hệ nhân quả, giữa hành vi khách quan và hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Một người chỉ phải chịu TNHS về hậu quả nguy hiểm cho xã hội nếu giữa hành vi khách quan đã thực hiện của họ và hậu quả nguy hiểm có mối quan hệ nhân quả với nhau, hay nói cách khác nếu hậu quả nguy hiểm đó do chính hành vi khách quan của họ gây ra

Khi có một vụ TNGT xảy ra thường do một loạt các nguyên nhân và điều kiện tác động, gắn liền với nhau. Chúng có thể là hành vi vi phạm của người điều khiển phương tiện giao thông, có thể do sự vô ý của người khác trong đó có

người bị hại, hoặc do lỗi của cả 2 bên, thậm chí do lỗi của người thứ 3, tình trạng đường sá, thời tiết, thiết bị an toàn của phương tiện giao thông, hệ thống đèn, biển báo giao thông, do tình trạng sức khỏe của nạn nhân và điều kiện cứu chữa nạn nhân... Như vậy, trong từng trường hợp một, đặt trong hoàn cảnh cụ thể đó phải xác định được những nguyên nhân nào do ai gây ra, đâu là nguyên nhân trực tiếp, đâu là nguyên nhân gián tiếp. Đây cũng chính là nội dung của việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của loại tội này.

Trong thực tiễn, việc xác định mối quan hệ nhân quả đối với những trường hợp hậu quả là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người nói chung rất phức tạp, thì việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm các quy định về ATGTĐB và hậu quả tai nạn về thực tế còn phức tạp hơn nhiều. Tính phức tạp của vấn đề do đặc thù của loại tội này quyết định. Vì vậy, phải có sự đánh giá nội dung này một cách khoa học, có sức thuyết phục, đảm bảo cơ sở thực tế, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), từ đó mới có cơ sở đưa ra một mức chế tài hợp lý và mới có thể tránh tình trạng xử lý oan sai.

Ví dụ: Nguyễn Quốc V điều khiển xe Super Dream (100 cm³) không có giấy phép lái xe trên đoạn đường Quốc lộ 1A từ thị trấn Tứ Hạ về thị trấn Phú Bài. V đi đúng tốc độ cho phép, đúng phần đường. Khi đến km số 720, thì B đi xe honda ngược chiều đã đâm vào xe V. Hậu quả B chết tại chỗ, V bị thương nhẹ. Nguyên nhân của vụ tai nạn xác định được do B lái xe trong tình trạng say, chạy quá tốc độ cho phép 75%, và một phần do V không có bằng lái. B và V đều có lỗi đối với 3 nguyên nhân này.

Song trong 3 nguyên nhân góp phần gây tai nạn trong trường hợp này thì việc chạy quá tốc độ và lái xe trong tình trạng say của B là nguyên nhân trực tiếp (nguyên nhân có mối quan hệ nhân quả với hậu quả vụ tai nạn). Còn V không có bằng lái là nguyên nhân gián tiếp (nguyên nhân không có mối quan hệ nhân quả với hậu quả vụ tai nạn). Tình huống này, V không phải chịu TNHS về hậu quả B chết mà V chỉ bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi điều khiển phương tiện không có giấy phép theo quy định của pháp luật.

Chủ thể của tội phạm: Là người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông, đường bộ, trong đó bao gồm cả người trực tiếp điều khiển các phương tiện thô sơ đường bộ.

Tuy nhiên, qua công tác đấu tranh phòng, chống TNGT trong thời gian qua cho thấy, chưa có trường hợp nào mà người điều khiển phương tiện thô sơ gây tai nạn lại bị truy cứu TNHS theo Điều 202. Trên thực tế đã xảy ra những vụ tai nạn giao thông giữa xe máy với xe đạp nhưng nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân chính lại do người xe đạp gây ra mà hậu quả là người đi xe máy chết. Trường hợp này nếu không xử lý hình sự với người đi xe đạp thì rõ ràng là bỏ lọt tội. Chính từ thực tế đó, dẫn đến trong xã hội, ngay cả với một số không nhiều người tiến hành tố tụng quan niệm cho rằng, các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra thì lỗi trước hết là do người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới với phân khối lớn hơn, sau đó là người điều khiển phương tiện thô sơ, cuối cùng mới là do người đi bộ. Chính vì vậy, cần phải có những biện pháp làm thay đổi nhận thức về vấn đề này của mọi công dân về TNHS đối với các trường hợp

người điều khiển xe thô sơ gây tai nạn. Qua đó mới có thể góp phần nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông khi tham gia giao thông đối với người điều khiển phương tiện thô sơ và người sử dụng thiết bị chuyên dùng lưu thông trên đường bộ. Đồng thời, mới đảm bảo việc xử lý các vụ TNGT được khách quan, chính xác, hạn chế tình trạng bỏ lọt tội, hoặc làm oan người vô tội.

Mặt chủ quan của tội phạm: Được thực hiện với hình thức lỗi vô ý, có thể là vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý vì cầu thả.

Lỗi vô ý vì cầu thả của tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ thường thể hiện ở những trường hợp như: người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ chưa được học tập, đào tạo về quy tắc ATGTĐB, hoặc trường hợp người phạm tội do sơ ý không quan sát nên không thấy và đã không tuân theo tín hiệu giao thông; hoặc trường hợp lái xe buổi đêm sáng trăng nên không chú ý bật đèn nên gây ra tai nạn.

Lỗi vô ý vì quá tự tin của tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ thường thể hiện thông thường là những trường hợp phóng nhanh vượt ẩu nhưng tin vào kinh nghiệm trình độ lái xe của mình mà cho rằng không dễ xảy ra tai nạn. Việc phán đoán, đánh giá, tính toán cân nhắc này hoàn toàn không phù hợp với thực tế khách quan, hay nói cách khác là nhận định chủ quan của người phạm tội là không có cơ sở thực tế nên hậu quả tai nạn đã xảy ra trái với nhận thức, trái với ý muốn của họ.

b. Hình phạt

Điều 202 quy định 4 khung hình phạt như sau:

Khoản 1: Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng và không có tình tiết định khung tăng nặng

Khoản 2: Phạt tù từ 3 đến 10 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định.

Tức là trường hợp người phạm tội không có bằng lái do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với loại phương tiện đó, hoặc có giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển, hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi bằng lái, hoặc trường hợp điều khiển phương tiện GTĐB trong thời hạn bị cơ quan có thẩm quyền cấm điều khiển.

Qua thực tế áp dụng tình tiết này vẫn còn một vướng mắc là đối với trường hợp người điều khiển vi phạm quy định về ATGTĐB bị cơ quan có thẩm quyền tạm giữ bằng lái trong một thời hạn nhất định thì trong thời hạn bị tạm giữ bằng lái người lái xe có được tiếp tục điều khiển phương tiện nữa hay không? Về vấn đề này chưa có văn bản pháp luật nào quy định nên trong thực tiễn áp dụng pháp luật có 2 quan điểm trái ngược nhau. Để việc áp dụng pháp luật thống nhất cần có văn bản pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này. Theo quan điểm của chúng tôi nên quy định trong thời hạn bị giam giữ bằng lái người lái xe không được điều khiển phương tiện. Bởi vì, người bị tạm giữ bằng lái là người đã có hành vi vi phạm quy định về ATGTĐB, nhưng vì nhiều lý do khách quan khác nhau mà người có thẩm quyền chưa có biện pháp xử lý ngay, nếu cứ cho phép họ tiếp tục điều khiển sẽ không đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Mặt khác, điều này sẽ gây khó khăn cho việc thi hành công vụ của các trạm kiểm soát trong thời

gian bằng lái của họ bị tạm giữ.

2. Phạm tội trong khi say rượu hoặc say do dùng các chất kích thích mạnh khác.

Tại khoản 7, 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định: "Cấm người lái xe sử dụng chất ma túy. Cấm người lái xe đang điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 80mg/100ml máu hoặc 40 mg/lít khí thở hoặc các chất kích thích mạnh khác".

Như vậy, khi nồng độ cồn vượt quá 80 mg/100ml máu hoặc 40 mg/lít khí thở thì bị coi là phạm tội trong khi say rượu hoặc say do dùng các chất kích thích mạnh khác. Đây là một hướng dẫn mang tính định lượng cụ thể, đòi hỏi sự đánh giá phải chính xác bởi nó cho phép xác định ranh giới giữa trường hợp có tội hoặc không có tội, bị xử lý theo Khoản 1 hay Khoản 2, Điều 202 đối với người lái xe trong tình trạng say gây tai nạn.

3. Gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn.

Là trường hợp người phạm tội sau khi gây tai nạn nghiêm trọng đã cố ý thức bỏ mặc cho sự đã rồi" hòng chạy trốn, lẩn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị hại mà lẽ ra họ phải có trách nhiệm áp dụng những biện pháp cần thiết để khắc phục đến mức thấp nhất thiệt hại do họ gây ra. Tình trạng gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn hiện nay đã trở thành phổ biến, nhất là ở những đoạn đường vắng người, hoặc tai nạn xảy ra vào đêm khuya. Trong nhiều trường hợp nếu người phạm tội sau khi gây ra tai nạn mà có hành vi cứu giúp người bị nạn thì hậu quả gây ra sẽ không ở mức độ nghiêm trọng. Mặt khác, thực trạng này sẽ gây khó khăn rất lớn trong công tác điều tra, phát hiện tội phạm.

4. Không chấp hành hiệu lệnh của người đang làm nhiệm vụ điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông.

Khoản 2, Điều 3 Luật giao thông đường bộ quy định: "Người làm nhiệm vụ điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông là cảnh sát giao thông (CSGT) hoặc người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông; ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt". Hành vi của người điều khiển phương tiện GTĐB không chấp hành hiệu lệnh của những người nói trên gây tai nạn nghiêm trọng thì áp dụng tình tiết này để truy tố.

5. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Nghị quyết số 02/HĐTPTANDTC ngày 17/04/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999, tại mục 4.2 quy định những trường hợp sau đây được coi là gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc Khoản 2 của các tội xâm phạm TTATGTĐB.

+ Làm chết hai người.

+ Gây tổn hại cho sức khỏe từ 3 đến 4 người với tỉ lệ thương tật của mỗi người từ 31% trở lên.

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của các nạn nhân từ 101% đến 200%.

+ Gây thiệt hại về tài sản trị giá từ 500 triệu đến dưới 1.500 triệu đồng.

Khoản 3: Phạt tù từ 7 năm đến 15 năm nếu gây hậu quả đặc biệt nghiêm

trọng

Tại mục 4.3 của Nghị quyết trên quy định những trường hợp sau đây được coi là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc Khoản 3 của các tội xâm phạm TTATGTĐB.

+ Làm chết từ 3 người trở lên.

+ Gây tổn hại cho sức khỏe từ 5 người trở lên với tỉ lệ thương tật của mỗi người từ 31% trở lên.

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tỉ lệ thương tật của mỗi người dưới 31% nhưng tổng tỷ lệ thương tật của các nạn nhân từ trên 200%.

+ Gây thiệt hại về tài sản trị giá từ 1.500 triệu đồng trở lên.

Khoản 4: Phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm trong trường hợp vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời.

8.1.2. Tội cản trở giao thông đường bộ (Điều 203)

Khách thể, lỗi, hậu quả của tội phạm giống Điều 202.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS

Mặt khách quan của tội phạm được phản ánh bởi các dấu hiệu sau.

Về hành vi khách quan là hành vi cản trở giao thông đường bộ. Hành vi này thường được thể hiện ở các dạng như sau:

@ Đào, khoan, xẻ trái phép các công trình giao thông đường bộ.

@ Đặt trái phép chướng ngại vật gây cản trở giao thông đường bộ.

@ Lấn chiếm, sử dụng vỉa hè, lòng đường, lấn chiếm hành lang bảo vệ đường bộ.

@ Tháo dỡ di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá huỷ biển báo hiệu, các thiết bị an toàn giao thông đường bộ.

@ Mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách.

Về hậu quả của tội phạm, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các tình tiết định khung giống Điều 202.

8.1.3. Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ không đảm bảo an toàn (Điều 204)

Khách thể, lỗi, hậu quả của tội phạm giống Điều 202.

Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi điều động hoặc hành vi cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường bộ rõ ràng không đảm bảo an toàn kỹ thuật.

Ví dụ: Điều xe tải đi chở người, điều xe không có hệ thống chiếu sáng, phanh không đảm bảo an toàn...

Chủ thể của tội phạm thuộc 2 nhóm sau:

+ *Chủ phương tiện* là người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động phương tiện giao thông đường bộ.

+ *Kiểm định viên* là người chịu trách nhiệm trực tiếp về tình trạng kỹ thuật, phương tiện giao thông đường bộ.

8.1.4. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ (Điều 205)

Khách thể, lỗi, hậu quả của tội phạm giống Điều 202.

Hành vi khách quan của tội phạm được thực hiện bằng một trong 2 loại hành vi sau:

@ Điều động người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

@ Giao cho người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển phương tiện giao thông đường bộ là người không có bằng lái theo quy định, người không đủ điều kiện về tình trạng sức khoẻ.

Chủ thể của tội phạm thuộc 2 nhóm người là chủ phương tiện và người đang điều khiển phương tiện.

8.1.5. Tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 206)

Văn bản hướng dẫn

Nghị quyết 02/2003/HĐTPTATC ngày 17/04/2003

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm an toàn giao thông công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan*: Là hành vi tổ chức đua xe trái phép. Hành vi này được thể hiện như kích động, lôi kéo, xúi, giục, cầm đầu 1 hoặc nhiều người đua xe trái phép trên đường giao thông công cộng.

+ *Phương tiện phạm tội*: Là những phương tiện giao thông đường bộ có gắn động cơ. Như vậy, hành vi tổ chức đua xe đạp trái phép không cấu thành tội phạm này.

Chủ thể của tội phạm: Là bất kỳ ai từ đủ 14 hoặc từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm: Là lỗi cố ý trực tiếp.

8.1.6. Tội đua xe trái phép (Điều 207)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm an toàn giao thông công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bởi các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi đua xe trái phép. Hành vi đua xe trái phép chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn 1 trong 3 điều kiện

1. Gây hậu quả nghiêm trọng, tức là gây tai nạn làm chết người hoặc gây thiệt hại về tài sản do việc đua xe trái phép.

2. Đã bị xử phạt hành chính về hành vi đua xe trái phép.

3. Hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa xoá án tích.

+ *Về phương tiện phạm tội* là những phương tiện giao thông đường bộ có gắn động cơ. Như vậy, hành vi đua xe đạp trái phép không cấu thành tội phạm này.

Chủ thể của tội phạm: Là bất kỳ ai từ đủ 14 hoặc từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia cuộc đua

Chú ý: Nếu có người ngồi sau xe tham gia đua xe thì người ngồi sau bị xử lý về tội này với vai trò là đồng phạm.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi cố ý trực tiếp.

8.1.7. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu

nổ, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ chất phóng xạ, chất cháy, chất độc (Điều 230, 232, 233, 236 và 238).

Khách thể, chủ thể, lỗi của tội phạm giống tội đua xe trái phép

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* bao gồm: vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ chất phóng xạ, chất cháy, chất độc, dao găm, kiếm, giáo mác, mã tấu, đinh ba, roi cao su, roi điện, găng tay điện

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* được thực hiện bằng một trong các loại hành vi sau:

1. Hành vi tàng trữ trái phép các tài sản trên: Là hành vi cất giữ bất hợp pháp tài sản này ở bất kỳ nơi nào mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép ra chất khác.

2. Hành vi vận chuyển trái phép tài sản trên: Là hành vi chuyển dịch trái phép tài sản này từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép ra loại tài sản khác.

3. Hành vi mua bán trái phép tài sản trên: Là hành vi mua và bán, hoặc hành vi mua nhằm mục đích để bán hoặc hành vi bán trái phép loại tài sản này nhằm kiếm lời.

4. Hành vi chiếm đoạt loại tài sản trên: Là hành vi lấy trái phép các tài sản trên từ người khác bằng các hành vi cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo...

Chú ý: Nếu một người thực hiện nhiều loại hành vi nêu trên chỉ nhằm vào một loại đối tượng tác động thì chỉ xử lý một tội với tên tội danh đầy đủ theo các tội danh tương ứng.

8.1.8. Tội phá huỷ công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231).

Khách thể, chủ thể, lỗi của tội phạm giống tội đua xe trái phép

Mặt khách quan của tội phạm: Được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* là công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Như công trình giao thông vận tải, hệ thống thông tin liên lạc công trình điện, công trình dẫn chất đốt, công trình thuỷ lợi...

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi phá huỷ công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Được biểu hiện như đập phá, gây nổ, gây cháy, lấy trộm tài sản đang nằm trong hệ thống công trình quan trọng về an ninh quốc gia.

Chú ý: Tài sản là đối tượng tác động của tội phạm phải nằm trong hệ thống công trình đang vận hành.

8.2. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

8.2.1. Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245)

Khách thể của tội phạm. Tội phạm xâm phạm trật tự công cộng. Trật tự công cộng được hiểu là xâm phạm nếp sống văn minh, vi phạm quy tắc của cuộc sống XHCN, ảnh hưởng đến những hoạt động của những người khác ở nơi công cộng.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở các dấu hiệu sau

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi gây rối trật tự công cộng.

Biểu hiện của hành vi này là lăng mạ, gây lộn, gây gổ, hành hung, trêu ghẹo người qua đường, có những lời nói thiếu văn minh, hành vi đốt pháo ở những nơi công cộng.

Hành vi gây rối trật tự công cộng chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn 1 trong 3 điều kiện:

1. Gây hậu quả nghiêm trọng. Ví dụ hành vi gây rối làm ngừng trệ các hoạt động ở nơi công cộng như gây ách tắc giao thông, buổi biểu diễn không thực hiện được.

Theo nghị quyết 02/2003/HĐTPTATC thì hậu quả nghiêm trọng của hành vi gây rối trật tự công cộng ví dụ như:

a. Cản trở ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ.

b. Cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước.

c. Thiệt hại về tài sản trị giá từ 10 triệu đồng trở lên.

d. Làm chết người hoặc gây thương tích cho người khác với tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên.

Ngoài ra hậu quả nghiêm trọng còn có thể là hậu quả phi vật chất như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng.

“Gây cản trở giao thông nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 Điều 245 là gây cản trở giao thông từ 2 giờ trở lên hoặc gây cản trở giao thông ở những tuyến giao thông quan trọng, làm ách tắc giao thông trên diện rộng (không phân biệt thời gian bao lâu).

2. Đã bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

3. Hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa xoá án tích.

+ *Địa điểm phạm tội.* Hành vi gây rối phải xảy ra ở nơi công cộng-nơi công cộng là phạm vi ngoài khuôn viên nhà riêng và có ảnh hưởng đến sinh hoạt của người khác.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm lỗi cố ý trực tiếp.

Chú ý: Nếu hành vi hành hung của tội gây rối trật tự công cộng mà gây thương tích cho người khác với tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc gây chết người thì chỉ xử lý về tội cố ý gây thương tích hoặc tội giết người.

8.2.2. Tội đánh bạc (Điều 248)

Chủ thể, khách thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 245.

Mặt khách quan của tội phạm chỉ đặc trưng bởi hành vi khách quan đó là hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào, được thua bằng tiền, hay hiện vật. Hành vi này chỉ cấu thành tội phạm nếu thoả mãn 1 trong 3 điều kiện sau:

1. Tiền hay hiện vật dùng vào việc đánh bạc ở mức giá trị lớn

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/HĐTPTATC ngày 17/04/2003 và Công văn số 1371/KSĐT-VKSNDTC ngày 20/06/2002 thì tiền hay hiện vật dùng vào việc đánh bạc ở mức giá trị lớn là từ 1 triệu đồng trở lên của tất cả các con bạc trên chiếu bạc.

2. Đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

3. Đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng chưa được xoá án tích.

Chú ý: Chỉ coi là phạm tội đánh bạc nếu việc được thua là do *may, rủi*.

8.2.3. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 249)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 248

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội này thể hiện ở một trong 2 dạng sau:

@. Hành vi tổ chức đánh bạc: Là hành vi rủ rê, lôi kéo, tụ tập những người khác vào việc đánh bạc.

@. Hành vi gá bạc: Là hành vi chứa chấp việc đánh bạc bằng việc cho thuê, cho mượn địa điểm của mình hoặc của người khác để người khác sử dụng vào việc đánh bạc.

Các hành vi này chỉ cấu thành cấu phạm nếu thoả mãn 1 trong 3 điều kiện:

1. Có quy mô lớn.

Theo hướng dẫn tại 2 văn bản trên trong tội đánh bạc, thì tổ chức đánh bạc và gá bạc được coi là có quy mô lớn là tổ chức hoặc chứa chấp từ 10 lượt người trở lên hoặc từ 2 sòng bạc trở lên.

Tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc, lắp đặt trang thiết bị cho việc đánh bạc, khi đánh bạc có phân công người canh gác.

2. Đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

3. Đã bị kết án về một trong các tội này nhưng chưa được xoá án tích.

8.2.4. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 248.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội này thể hiện ở một trong 2 dạng sau:

@. Hành vi chứa chấp.

@. Hành vi tiêu thụ những tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có.

Hành vi này phải thoả mãn điều kiện là phải *không có sự hứa hẹn trước*, nếu có sự hứa hẹn trước sẽ trở thành đồng phạm về tội mà người có tài sản đã thực hiện.

Chú ý: Hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cấu thành một số tội độc lập thì xử lý về những tội độc lập này. Ví dụ: A mua 1 kg thuốc nổ từ Khăm pa seuth - Lào mang về Việt Nam qua cửa khẩu Lao Bảo bán cho B ở thị xã Đông Hà. Hành vi của A phạm tội buôn lậu (Điều 153), Hành vi của B mua số tài sản này thực chất là hành vi tiêu thụ tài sản do A phạm tội buôn lậu mà có, nhưng trường hợp này hành vi của A lại cấu thành tội mua bán trái phép hàng cấm (Điều 155)

Theo hướng dẫn tại Công văn số 102/98/TANDTC ngày 7/10/98 thì tài sản, vật phạm pháp có giá trị từ 70 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng được coi là có *giá trị lớn*. Tài sản, vật phạm pháp có giá trị từ 250 triệu đồng đến dưới 750 triệu đồng được coi là có *giá trị rất lớn*. Tài sản, vật phạm pháp có giá trị từ 750 triệu đồng trở lên được coi là có *giá trị đặc biệt lớn*.

8.2.5. Tội chứa mại dâm (Điều 254)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 248

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan là

hành vi chứa mại dâm. Hành vi chứa mại dâm là hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm để người khác thực hiện việc mua bán dâm.

Chú ý: Chỉ cấu thành tội chứa mại dâm nếu người mua bán dâm từ đủ 13 tuổi trở lên. Nếu người mua bán dâm chưa đủ 13 tuổi thì người chứa mại dâm sẽ bị xử lý về tội hiếp dâm trẻ em với vai trò là đồng phạm.

8.2.6. Tội môi giới mại dâm (Điều 255)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 248

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan là hành vi môi giới mại dâm. Hành vi môi giới mại dâm là hành vi làm trung gian tổ chức móc nối, dụ dỗ, dẫn dắt tìm người mua dâm, bán dâm, tạo điều kiện cho hai bên gặp nhau để thực hiện mua bán dâm.

Chú ý: Chỉ cấu thành tội môi giới mại dâm nếu người mua bán dâm từ đủ 13 tuổi trở lên. Nếu người mua bán dâm chưa đủ 13 tuổi thì người môi giới mại dâm sẽ bị xử lý về tội hiếp dâm trẻ em với vai trò là đồng phạm.

8.2.7. Tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 248

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan là hành vi dùng tiền hay lợi ích vật chất khác để thực hiện hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi

Chú ý: Chỉ cấu thành tội này nếu người bán dâm từ đủ 13 tuổi trở lên. Nếu người bán dâm chưa đủ 13 tuổi thì người mua dâm sẽ bị xử lý về tội hiếp dâm trẻ em.

8.3. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

8.3.1. Tội chống người thi hành công vụ (Điều 257)

Khách thể của tội phạm là sự xâm phạm trật tự quản lý hành chính- xâm phạm sự hoạt động đúng đắn và bình thường của cơ quan Nhà nước làm giảm hiệu lực quản lý Nhà nước.

Mặt khách quan của tội phạm đặc trưng bởi dấu hiệu hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội phạm này được thực hiện bởi 1 trong 3 loại hành vi sau:

@. Hành vi dùng vũ lực: Được hiểu là hành vi tác động bằng sức mạnh vật chất lên thân thể người thi hành công vụ như: trói, đấm đá, nhốt người thi hành công vụ.

Nếu hành vi dùng vũ lực gây thương tích hoặc gây chết người cho người thi hành công vụ thì tùy theo hậu quả xảy ra trên thực tế chỉ xử lý về Tội cố ý gây thương tích hoặc Tội giết người với tình tiết định khung tăng nặng của các tội này là nạn nhân là người đang thi hành công vụ. Hay nói cách khác, hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ khi không có thương tích thì mới xử lý theo Điều 257.

@. Đe dọa dùng vũ lực: Là hành vi khống chế, đe dọa bằng lời nói, cử chỉ là sẽ dùng vũ lực ngay nếu người thi hành công vụ vẫn tiếp tục thi hành công vụ.

@. Dùng thủ đoạn khác: Như dọa sẽ công bố những tin tức tài liệu bất lợi cho người thi hành công vụ, tố cáo vấn đề đời tư của người thi hành công vụ

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai từ đủ 16 tuổi trở lên có NLTNHS.

Mặt chủ quan của tội phạm được đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ Lỗi cố ý trực tiếp
+ Mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong CTTT thể hiện ở một trong hai dạng:

@. Nhằm cản trở việc thi hành công vụ của nạn nhân.

@. Ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật.

8.3.2. Một số tội phạm khác

Bài tập số 01

Ngô Thị Mỹ Yên trú tại Bình Thạnh, thành phố HCM. Vào khoảng 13 giờ ngày 30/4/2003, Yên đã đi bộ đi ngang qua mặt cầu có giải phân cách. Khi ra đến giữa cầu, Yên thấy 1 xe máy chạy tới nên đứng lại. Khi xe này chạy qua thì xe khác do Nguyễn Khắc Hùng điều khiển chạy từ phía sau tới, Yên luống cuống đi tới đi lui để tránh xe Hùng thì Hùng đã đâm vào Yên rồi va vào con lươn giữa cầu làm 02 người ngã xuống đường bất tỉnh.

Hậu quả là Yên bị thương nhẹ, người điều khiển xe máy bị chết trên đường đi cấp cứu.

Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 02

Lê Văn Phương là chủ xe khách loại 54 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát 77H 43 - 27. Phương thuê Phạm Ngọc Thành lái (Thành có bằng lái xe hợp lệ). Ngày 24/02/2001, Thành chở khách từ Bình Định vào thành phố HCM, trên xe có 60 người (trong đó có Phương). Do chạy quá tốc độ, chở quá số người theo quy định nên đã bị cảnh sát giao thông Phú Yên tạm giữ bằng lái của Thành vào hồi 16 giờ cùng ngày và hẹn Thành 03 ngày sau đến xử lý.

Vì khách trên xe đã đầy nên Phương bảo Thành lái xe tiếp vào thành phố HCM để trả khách. Vào khoảng 16 giờ ngày 26 tháng 02, khi xe của Thành quay ra đến đoạn đường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn do phóng nhanh vượt ẩu đã gây tai nạn làm chết 02 em học sinh đang đi xe đạp trên lề đường bên phải cùng chiều.

Hãy xác định tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với Thành và Phương.

Chương 9.

CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ

9.1. KHÁI NIỆM CHUNG

9.1.1. Khái niệm

Khái niệm người có chức vụ: Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác có hưởng lương hoặc không hưởng lương được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. (Điều 277)

Khái niệm tội phạm về chức vụ: Tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ (Điều 277).

Các tội phạm về chức vụ là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức

9.1.2. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của các tội phạm về chức vụ: Các tội phạm về chức vụ trực tiếp xâm hại sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Xâm hại đến quan hệ sở hữu Nhà nước và xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cơ bản của công dân

Mặt khách quan của các tội phạm về chức vụ: Hành vi khách quan đa số các tội phạm về chức vụ được thể hiện bằng hành động.

Đa số các tội phạm về chức vụ có cấu thành tội phạm (CTTP) hình thức - tức là trong mặt khách quan chỉ có dấu hiệu hành vi khách quan mà không có dấu hiệu hậu quả (trừ Điều 278, 279, 280, 283, 291 là tội có cấu thành vật chất).

Chủ thể của các tội phạm về chức vụ: Đối với các tội phạm tham nhũng thì chủ thể của tội phạm luôn phải là người có chức vụ quyền hạn. Đối với các tội phạm khác về chức vụ thì chủ thể của tội phạm có thể là người có chức vụ có thể không phải là người có chức vụ.

Mặt chủ quan của các tội phạm về chức vụ bao gồm:

- Về hình thức lỗi: Đa số các tội phạm về chức vụ thực hiện với hình thức lỗi cố ý, một số tội thực hiện với hình thức lỗi vô ý

- Về động cơ phạm tội: Một số tội phạm về chức vụ động cơ phạm tội là dấu hiệu bắt buộc như Điều 281, Điều 282.

9.2. CÁC TỘI PHẠM THAM NHŨNG

9.2.1. Tội tham ô tài sản (Điều 278)

Văn bản hướng dẫn:

Thông tư số 02/2001/TTLN TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Nghị quyết số 01/2001/HĐTPTANDTC. Ban hành ngày 15/3/2001.

a. Các dấu hiệu pháp lý

Khách thể của tội phạm. Tội tham ô tài sản trực tiếp xâm hại 2 quan hệ xã hội, đó là:

+ Xâm phạm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội.

+ **Xâm phạm quan hệ sở hữu.**

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Thủ đoạn phạm tội:* Lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Tức là người phạm tội sử dụng quyền hạn được giao như là một phương tiện phạm tội để biến tài sản của Nhà nước thành tài sản của mình

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi chiếm đoạt tài sản có thể thực hiện một cách công khai có thể bí mật. Thông thường là để che giấu hành vi chiếm đoạt can phạm thường có hành vi sửa chữa sổ sách, chứng từ, lập chứng từ giả, tạo hiện trường giả, tiêu huỷ hoá đơn, chứng từ, đốt kho chứa tài sản...

+ *Đối tượng tác động của tội phạm* phải thoả mãn 2 điều kiện, đó là:

@. Tài sản bị chiếm đoạt phải là tài sản mà người phạm tội có *trách nhiệm quản lý*. Được coi là tài sản mà người phạm tội có trách nhiệm quản lý tức là người phạm tội có quyền chiếm hữu hợp pháp đối với tài sản.

@. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt phải trị giá từ 500.000 đồng trở lên. Nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới 500.000 đồng phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện:

1. Gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

3. Đã bị kết án về một trong các tội tham nhũng nhưng chưa được xoá án tích.

Các điều kiện này đã được giải thích trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu.

Chủ thể của tội phạm phải thoả mãn đầy đủ 2 điều kiện, đó là: Người phạm tội phải là người có chức vụ quyền hạn và là người có trách nhiệm quản lý tài sản.

Trên thực tế chủ thể của tội tham ô tài sản thuộc 3 nhóm sau:

* Nhóm 1: Là người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Ví dụ: Thủ trưởng cơ quan, chánh văn phòng, trưởng phòng tài vụ, kế toán.

* Nhóm 2: Những người đảm nhiệm công tác nghiệp vụ quản lý kinh tế tài chính.

Ví dụ: Kế toán, thủ quỹ, thủ kho.

* Nhóm 3: Những người đảm nhiệm những công việc mang tính độc lập nhưng có khả năng trực tiếp tiếp cận với tài sản.

Ví dụ: Người bảo vệ được quyền tiếp cận với tài sản, người lái xe chở hàng không có người áp tải.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Tình huống: A là cán bộ vật tư của một hợp tác xã nông nghiệp, được hợp tác xã giao cho 100 triệu đồng đi mua vật tư nông nghiệp. Khi nhận được tiền, A đã dựng hiện trường giả bị mất trộm số tiền này. Qua điều tra, A khai “Số tiền 100 triệu đồng đang chôn ở sau vườn nhà A”. Hãy phân tích ví dụ trên trên cơ sở các dấu hiệu cấu thành tội tham ô tài sản.

b. Các tình tiết định khung của tội tham ô tài sản giống các tình tiết định khung của các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt.

9.2.2. Tội nhận hối lộ (Điều 279)

Khách thể của tội phạm: Tội nhận hối lộ trực tiếp xâm sự hoạt động đúng

đăng của các cơ quan Nhà nước tổ chức xã hội.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Thủ đoạn phạm tội*: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Tức là người phạm tội sử dụng quyền hạn được giao như là một phương tiện phạm tội để thực hiện việc nhận hối lộ.

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* được thực hiện bởi 2 loại hành vi:

1. Hành vi nhận tiền, của hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hoặc qua trung gian.

2. Làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của mình vì lợi ích hay theo yêu cầu của người đưa.

Trong 2 loại hành vi khách quan này thì hành vi (1) có thể thực hiện trước hành vi (2) hay nói cách khác là nhận của hối lộ rồi làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hay theo yêu cầu của người đưa. Nhưng hành vi (2) cũng có thể thực hiện trước hành vi (1) hay nói cách khác là làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hay theo yêu cầu của người đưa rồi sau đó nhận của hối lộ.

Nếu người có chức vụ quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hay theo yêu cầu của người đưa rồi sau đó nhận của hối lộ thì phải thoả mãn điều kiện là có sự *thoả thuận trước* mới cấu thành tội nhận hối lộ

Nếu người phạm tội làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của mình vì lợi ích hay theo yêu cầu của người đưa mà cấu thành một tội độc lập thì ngoài tội nhận hối lộ họ còn bị truy tố thêm tội đã cấu thành.

Ví dụ: A là Điều tra viên được giao nhiệm vụ xử lý vụ tai nạn giao thông do B gây ra, A đã nhận của B 10 triệu đồng sau đó không đề nghị ra quyết định khởi tố vụ án. Trường hợp này A bị truy tố về Tội nhận hối lộ và Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

+ *Phương tiện phạm tội*. Của hối lộ phải trị giá từ 500.000 đồng trở lên, nếu dưới 500.000 đồng phải thoả mãn 1 trong 3 điều kiện

1. Gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

3. Đã bị kết án về một trong các tội tham nhũng nhưng chưa được xoá án tích.

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ quyền hạn

Mặt chủ quan của tội phạm. Tội phạm thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp

9.2.3. Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280)

Khách thể của tội phạm. Tội phạm trực tiếp xâm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước tổ chức xã hội.

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ quyền hạn.

Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Thủ đoạn phạm tội*. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn. Tức là người phạm tội đã làm một việc vượt quá quyền hạn của mình để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ *Giá trị tài sản chiếm đoạt* giống tội tham ô tài sản

Ví dụ: cán bộ địa chính xã khi làm giấy tờ quyền sử dụng đất cho dân đã

thu các khoản thuế và chiếm đoạt.

9.2.4. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281)

Khách thể của tội phạm. Tội phạm trực tiếp xâm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước tổ chức xã hội.

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ quyền hạn.

Mặt chủ quan của tội phạm đặc trưng bởi 2 dấu hiệu:

+ Lỗi cố ý trực tiếp.

+ Động cơ phạm tội là động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân.

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi các dấu hiệu sau:

+ *Thủ đoạn phạm tội.* Lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Tức là người phạm tội sử dụng quyền hạn được giao như là một phương tiện phạm tội để thực hiện tội phạm.

+ *Hành vi khách quan của tội phạm* là hành vi làm trái công vụ tức là không làm hoặc làm không đúng không đầy đủ nhiệm vụ được giao.

Ví dụ: Cán bộ hải quan không bắt người thân vận chuyển hàng lậu. Điển hình là vụ án xảy ra ở cửa khẩu Mộc Bài- Tây Ninh vào năm 2002 của cán bộ Hải quan.

+ *Hậu quả của tội phạm* là dấu hiệu bắt buộc, cụ thể là hành vi phạm tội phải gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Chú ý: Tội phạm này hoàn toàn không có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản.

9.2.5. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282)

Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm giống Điều 281, chỉ khác Điều 281 ở thủ đoạn phạm tội là người phạm tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ- tức là làm một việc vượt quá giới hạn quyền năng của mình.

9.2.6. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 283)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm giống Điều 281

Mặt khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hành vi khách quan.

Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm 2 loại hành vi sau:

1. Hành vi nhận tiền hoặc tài sản của người khác. Giá trị tài sản giống tội nhận hối lộ.

2. Dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa.

9.3. CÁC TỘI PHẠM KHÁC VỀ CHỨC VỤ

9.3.1. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285)

Khách thể của tội phạm. Tội phạm trực tiếp xâm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước tổ chức xã hội.

Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ quyền hạn.

Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở các dấu hiệu sau:

+ *Hành vi khách quan* là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao.

+ *Hậu quả của tội phạm* là dấu hiệu bắt buộc trong CTTTP. Cụ thể là hành vi trên phải gây hậu quả nghiêm trọng.

Hậu quả nghiêm trọng của tội này là thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác nếu không thuộc các trường hợp quy định tại các điều luật sau:

@ Điều 144- Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

@ Điều 235- Tội thiếu trách nhiệm trong việc quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng.

@ Điều 301- Tội thiếu trách nhiệm để người bị giam giữ trốn.

Mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi vô ý

Ví dụ: A được cấp giấy phép mở lớp tập bơi, do sơ suất A đã không bố trí người kèm B là người mới tập bơi làm B bị chết do ngạt nước.

9.3.2. Tội đưa hối lộ (Điều 289)

Khách thể của tội phạm là xâm phạm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước.

Mặt khách quan của tội phạm là hành vi đưa của hối lộ cho người có chức vụ quyền hạn.

Giá trị của hối lộ giống tội nhận hối lộ, không đòi hỏi người đưa hối lộ phải đưa ra yêu cầu với người nhận hối lộ.

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai.

Mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp.

Chú ý: Nếu người đưa hối lộ đưa nhằm cho người không có chức vụ quyền hạn thì vẫn cấu thành Tội đưa hối lộ, nếu người nhận biết người đưa nhằm mình là người có chức vụ quyền hạn mà vẫn nhận của hối lộ thì người nhận bị xử lý về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

9.3.3. Tội làm môi giới hối lộ (Điều 290)

Khách thể, chủ thể, mặt chủ quan, giá trị của hối lộ giống Điều 289.

Mặt khách quan của tội phạm là hành vi làm môi giới hối lộ.

Bản chất của hành vi này là giúp sức cho hai bên đưa hoặc nhận hối lộ, thể hiện ở các dạng sau:

@ Tổ chức cho 2 bên gặp nhau để thoả thuận về việc hối lộ.

@ Chuyển lời đề nghị của bên này cho bên kia và ngược lại.

@ Chuyển của hối lộ từ người đưa sang người nhận.

Đặc điểm của các hành vi này là chỉ thực hiện sau khi người đưa hoặc người nhận đã hình thành ý định đưa hoặc nhận hối lộ. Nếu người thứ 3 trong quan hệ hối lộ chủ động tham gia trước khi người đưa hoặc người nhận hình thành ý định đưa hoặc nhận hối lộ thì họ sẽ bị xử lý về tội đưa hoặc nhận hối lộ với vai trò là đồng phạm.

CÂU HỎI

1. So sánh tội trộm cắp tài sản với tội tham ô tài sản.
2. So sánh tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với tội vô ý làm chết người.
3. Cho ví dụ minh họa về tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282) và tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280)

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Bài tập số 01:

Trần Văn A và Lê Quang C là nhân viên bảo vệ, còn Nguyễn Văn H là thủ kho của xí nghiệp X (doanh nghiệp Nhà nước). Ngày 28 tháng 02 năm 2002, trong khi lấy hàng về cho xí nghiệp, H đã loại được một lô hàng gồm 100 cặp vòng bi của Đức ra khỏi danh mục hàng phải nhập kho, nhưng do hàng công kênh không thể mang ra bên ngoài xí nghiệp được. H đã bàn với C và được C đồng ý giúp đỡ nên H đã mang được lô hàng trên ra khỏi xí nghiệp. Sau đó chúng đã chia nhau tâu tán số hàng này.

Hãy xác định tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 02:

Trần Văn H và Nguyễn Văn Q đều là nhân viên bảo vệ, đồng thời được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý số nhựa đường của xí nghiệp K. Khoảng 22 giờ ngày 23/3/2001, H ra quán phở thì gặp N đề nghị mua nhựa đường, lúc này gần hết ca trực nên H nói với N: "Tao sắp hết ca trực rồi, Q là người trực ca sau".

Hai bên thống nhất giá cả là 40.000đ/1 bao nặng 30kg. Sau đó H dẫn N vào gặp Q là người trực ca sau, H giới thiệu với Q: "N là người cần mua nhựa đường. Ông cứ làm đi, giá cả hai bên đã thoả thuận". Nói xong, H đi ra công vào quán phở ăn và canh gác cho bọn N lấy hàng.

Bọn chúng đóng được 25 bao, sau đó vận chuyển ra sát tường rào để ném ra ngoài thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Kết quả điều tra còn cho biết ngoài lần bị bắt trên, trong tháng 1 và tháng 2/2001, hai tên H và Q đã ba lần bán nhựa đường cho người ngoài xã hội thu gần 3 triệu đồng.

Hãy xác định tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

Bài tập số 03:

Ngày 10/01/2001, Trần Văn An là chiến sĩ cảnh sát, công an tỉnh Cao Bằng vào huyện biên giới T chơi. Khi đi An mặc quần áo cảnh sát, đeo quân hàm mang giày đen. Khoảng 18 giờ cùng ngày, An vào tới khu vực gần đồn biên phòng tỉnh D, huyện T thì gặp một tốp 6 người dân đang gánh đồ sang Trung Quốc để bán. An xưng là cán bộ công an tỉnh đến tăng cường cho đồn biên phòng để chống hàng lậu, An đã dọa và buộc những người này phải nộp phạt nếu không sẽ bắt về đồn giải quyết. Những người này tưởng thật đã đưa cho An 500.000đ. Nhận tiền xong, An cho họ gánh hàng đi bán. Khi gần qua biên giới thì họ bị lực lượng biên phòng bắt giữ và họ đã khai rõ hành vi của Trần Văn An. Hãy đánh giá tính chất pháp lý hình sự của vụ án trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự* (phần các tội phạm cụ thể), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Trần Văn Độ (2004), *Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Trần Văn Luyện (2003), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của con người*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Trần Văn Luyện (2004), *Các tội phạm ma tuý*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Đinh Văn Quế (1998), *Bình luận án*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Đinh Văn Quế (1999), *Pháp luật thực tiễn và án lệ*, NXB Đà Nẵng.
9. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Quốc Nhật (2005), *Tội phạm có tổ chức - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Minh Đức (2002), *Một số vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự và những tình huống trong thực tiễn*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh - lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, NXB ĐHQG Hà Nội.